

RONG VIET
SECURITIES



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

**RÈN LUYỆN BẢN LĨNH
VỮNG BƯỚC THÀNH CÔNG**

MỤC LỤC

2-3	Tâm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi
-----	------------------------------------

UY TÍN ĐỂ TẠO DỰNG NIỀM TIN

4-5	Thông điệp của CTHDQT
6-7	Thông tin tổng quan
8-9	Chặng đường phát triển
10	Sự kiện nổi bật trong năm 2010
11	Giải thưởng và danh hiệu

SÁNG TẠO CÙNG GIẢI PHÁP VƯỢT TRỘI

22	Báo cáo của Hội đồng Quản trị
	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
	Báo cáo của Ban Kiểm soát
33	Định hướng phát triển

HIỆU QUẢ VƯỢT QUA MỌI THỬ THÁCH

13	Sơ đồ tổ chức
14-15	Hội đồng Quản trị
17	Ban Kiểm soát
18- 19	Ban Tổng Giám đốc
20-21	Tổ chức và Nhân sự

TẬN TÂM VÌ LỢI ÍCH KHÁCH HÀNG

34	Quản trị doanh nghiệp
38	Thông tin cổ đông
40	Quan hệ nhà đầu tư
41	Trách nhiệm với xã hội

42	Báo cáo tài chính hợp nhất
----	----------------------------

UY TÍN để tạo dựng niềm tin

Hoàn thành mục tiêu với chiến lược hoạt động hiệu quả

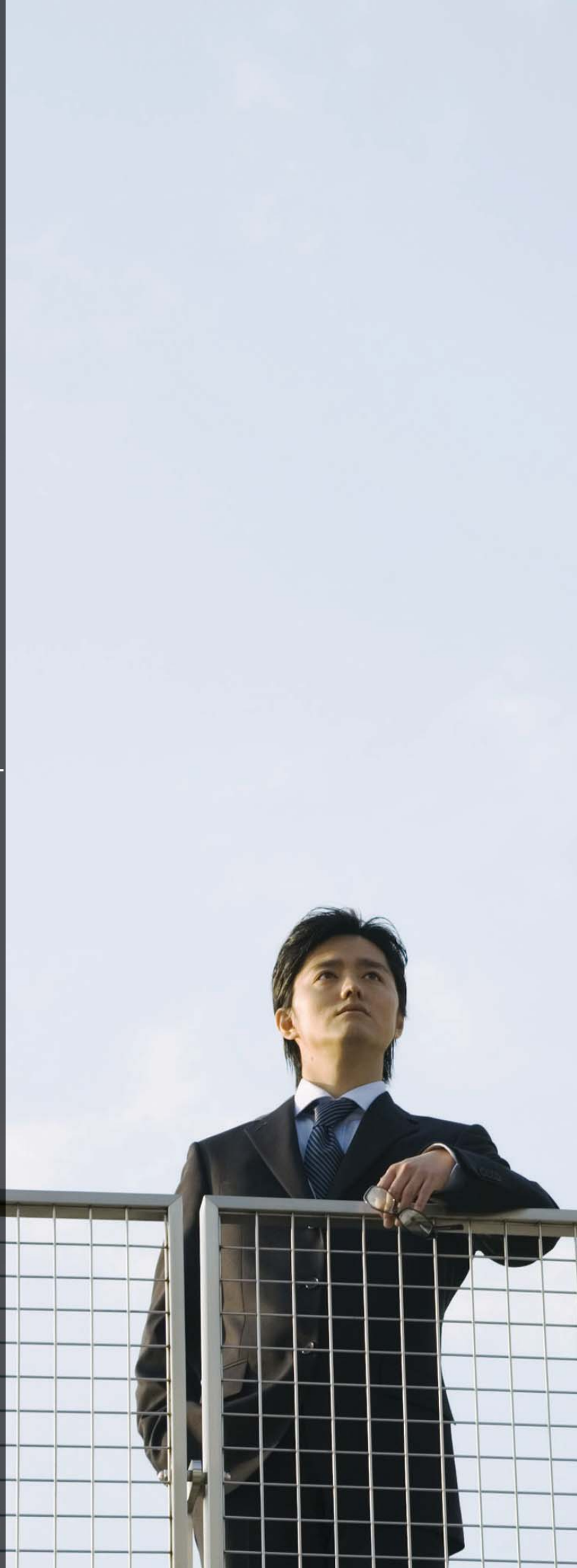


SỨ MỆNH

Tập thể Rong Việt không ngừng suy nghĩ và hành động nhằm tạo ra giá trị cao nhất cho khách hàng, cổ đông và người lao động, đồng thời đóng góp vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam. Bên cạnh đó, chúng tôi mong muốn chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng và xã hội trong quá trình phát triển đất nước.

TẦM NHÌN

Rong Việt phấn đấu trở thành một trong những ngân hàng đầu tư hàng đầu và tốt nhất Việt Nam.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tất cả các thành viên Rông Việt cam kết giữ gìn các giá trị cốt lõi của công ty và xem đó là kim chỉ nam trong mọi hoạt động của mình.

Coi trọng lợi ích khách hàng

Chúng tôi luôn xem thành công của khách hàng chính là thành công của Rông Việt. Chúng tôi luôn nỗ lực làm hài lòng khách hàng với dịch vụ đa dạng, hoàn hảo và đội ngũ nhân sự giàu năng lực, tận tâm và chuyên nghiệp.

Uy tín

Chúng tôi hiểu rằng uy tín là yếu tố cốt lõi tạo dựng thành công và tích lũy những giá trị vững bền cho Rông Việt.

Chuyên nghiệp

Chúng tôi luôn mong muốn cung cấp các sản phẩm dịch vụ đa dạng cho quý khách hàng với mức độ chuyên nghiệp cao nhất.

Sáng tạo

Chúng tôi học hỏi từ những kinh nghiệm của bản thân và thực tiễn trên thị trường chứng khoán để sáng tạo những giải pháp tốt nhất phục vụ quý khách hàng.

Hiệu quả

Tất cả các hoạt động của chúng tôi nhằm mang lại hiệu quả và giá trị cao nhất cho khách hàng, cổ đông và người lao động.





**KÍNH THƯA QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG, QUÝ KHÁCH HÀNG,
NHÀ ĐẦU TƯ VÀ TOÀN THỂ CÁN BỘ CÔNG NHÂN
VIÊN,**

Năm 2010, kinh tế Việt Nam tiếp tục trải qua một năm đầy khó khăn với việc lạm phát tăng trở lại, lãi suất tăng cao gây khó khăn cho các doanh nghiệp và cả nền kinh tế, giá vàng và ngoại tệ biến động mạnh... Những khó khăn của nền kinh tế đã tác động trực tiếp vào thị trường chứng khoán Việt Nam khi các chỉ số chứng khoán đều giảm khá mạnh, thanh khoản không tăng so với năm 2009. Trong bối cảnh đó, mặc dù không hoàn thành trọn vẹn các chỉ tiêu kế hoạch đề ra nhưng tập thể Rong Việt cũng đã hết sức nỗ lực vượt qua khó khăn, thực hiện thành công nhiều mục tiêu quan trọng, nâng quy mô phát triển và khẳng định vị thế của Rong Việt trên thị trường tài chính Việt Nam.

Trong năm 2010, Rong Việt đã hoàn thành chương trình tái cấu trúc bộ máy tổ chức theo hướng tách bạch các chức năng kinh doanh-hỗ trợ và giám sát, giúp việc tổ chức triển khai các hoạt động hiệu quả hơn. Cùng với chương trình tái cấu trúc, Công ty đã cơ bản hoàn thành việc chuẩn hóa các quy chế, quy định và quy trình cho tất cả các hoạt động, xây dựng và vận hành các hoạt động của Công ty

dựa trên nền tảng một hệ thống lập quy đầy đủ, hướng đến sự phát triển chuyên nghiệp và bền vững.

Công ty đã thực hiện việc chuyển đổi trụ sở chính sang một vị trí thuận lợi hơn, tương xứng với vị thế của Công ty sau hơn 3 năm hoạt động. Bên cạnh đó, Rong Việt đã thành lập và đưa vào hoạt động 4 chi nhánh mới ở Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Nha Trang và Cần Thơ, hứa hẹn sẽ có những đóng góp hiệu quả vào kết quả kinh doanh của các năm tới. Song song với việc mở rộng mạng lưới, đội ngũ nhân sự của Công ty cũng đã tăng lên gần 270 cán bộ, nhân viên, là một bước phát triển đáng kể của Công ty.

Một thành công nổi bật trong năm 2010 của Rong Việt là đã triển khai thành công hệ thống chứng khoán lõi, chính thức đưa vào vận hành từ tháng 11/2010. Việc triển khai thành công hệ thống chứng khoán lõi giúp cung cấp thêm nhiều dịch vụ chứng khoán trực tuyến tiện ích, đa dạng với chất lượng tốt nhất cho khách hàng của Rong Việt, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển sản phẩm, dịch vụ mới và hỗ trợ tốt cho công tác quản trị rủi ro.

Mốc son quan trọng trong quá trình phát triển của Rong Việt là ngày 25-05-2010, Công ty Chứng khoán Rong Việt đã chính thức tham gia niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng

khoán Hà Nội với mã chứng khoán là **VDS**. Sự kiện này đánh dấu sự trưởng thành của Rông Việt sau hơn 3 năm hoạt động, góp phần tăng uy tín thương hiệu của Công ty và mở ra những cơ hội giúp Công ty phát triển vững mạnh hơn trong thời gian tới.

Những nỗ lực và thành công trên đã giúp Rông Việt năm thứ 3 liên tiếp nhận giải thưởng “Thương hiệu chứng khoán uy tín” và Danh hiệu “Công ty đại chúng tiêu biểu”, nhận giải thưởng Cúp vàng “Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam”.

KÍNH THƯA QUÝ VỊ,

Bước sang năm 2011, trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi sẽ hỗ trợ cho sự ổn định của thị trường chứng khoán toàn cầu. Tuy vậy, những thách thức do giá cả tăng cao và bất ổn chính trị ở Bắc Phi, Trung Đông, thiên tai ở Nhật Bản có thể tác động tiêu cực đến cục diện kinh tế toàn cầu. Trong nước, kinh tế vĩ mô được dự báo còn nhiều khó khăn trong 6 tháng đầu năm khi lạm phát quay trở lại, lãi suất tăng cao cùng với sự cạnh tranh trong ngành kinh doanh chứng khoán ngày càng gay gắt với sự có mặt của hơn 105 công ty chứng khoán sẽ tác động nhất định đến quá trình triển khai kế hoạch kinh năm 2011.

Đối với Rông Việt, năm 2011 là năm có ý nghĩa quyết định sự tồn tại và phát triển của Rông Việt. Với những nhận định về thị trường chứng khoán năm 2011, những kinh nghiệm quý báu rút ra từ thực tiễn hoạt động hơn 4 năm qua, trong năm 2011, Hội đồng quản trị Rông Việt sẽ tập trung chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ quan trọng sau đây:

- (i) Triển khai tìm kiếm và lựa chọn đối tác chiến lược để tăng năng lực tài chính công ty theo chiến lược phát triển giai đoạn 2010 – 2012. Chỉ đạo thực hiện phương án tăng vốn điều lệ của Công ty trong năm 2011 theo đúng tinh thần Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- (ii) củng cố và nâng cao chất lượng quản trị, tập trung vào việc hỗ trợ và chỉ đạo Ban điều hành trong công tác phát triển khách hàng, đặc biệt tập trung vào thu xếp, hỗ trợ vốn cho các hoạt động dịch vụ của công ty, mở rộng các quan hệ hợp tác và quản lý rủi ro hoạt động.
- (iii) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2010 - 2015 phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh.
- (iv) Tăng cường hiệu quả hoạt động của các chi nhánh thông qua các chính sách, cơ chế đặc thù phù hợp với tập quán kinh doanh ở từng vùng. Trao thêm quyền chủ động trong hoạt động kinh doanh cho các chi nhánh trên cơ sở hoàn chỉnh cơ chế giám sát các hoạt động của Chi nhánh.
- (v) Chú trọng công tác tuyển dụng nhân sự tài năng trong một số mảng nghiệp vụ trọng yếu, tăng cường và chuẩn

hóa công tác đào tạo đặc biệt là đào tạo cán bộ quản lý nhằm xây dựng một đội ngũ nhân sự ưu tú, tâm huyết và gắn bó với sự nghiệp phát triển Rông Việt.

- (vi) Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty diễn ra an toàn, hiệu quả và đúng pháp luật.

Hội đồng quản trị cam kết sẽ nỗ lực hoàn thành các mục tiêu năm 2011 và phấn đấu hết sức mình vì sự nghiệp phát triển Rông Việt trở thành một trong những ngân hàng đầu tư hàng đầu và tốt nhất Việt Nam. Để thực hiện tốt mục tiêu trên, trong quá trình chỉ đạo điều hành, chúng tôi sẽ kết hợp thật hài hòa giữa lợi ích trước mắt với mục tiêu phát triển ổn định, bền vững, tiếp tục nỗ lực nắm bắt cơ hội và vượt qua các khó khăn thách thức nhằm tối đa hóa giá trị công ty, gia tăng lợi ích cổ đông, mang đến thành công cho khách hàng, đối tác, người lao động và chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng và xã hội trong quá trình phát triển chung của nền kinh tế đất nước.

Chúng tôi trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến quý cơ quan quản lý nhà nước, quý cổ đông, quý đối tác, khách hàng và toàn thể cán bộ nhân viên Rông Việt đã ủng hộ, hỗ trợ, hợp tác và đóng góp vào sự thành công của Rông Việt trong những năm vừa qua. Hội đồng quản trị Rông Việt tin tưởng sâu sắc rằng, với các nền tảng vững chắc đã tạo dựng kết hợp với năng lực, sức trẻ và sự nhiệt huyết của đội ngũ cán bộ nhân viên, Rông Việt sẽ hoàn thành thắng lợi các mục tiêu năm 2011, xây dựng Rông Việt phát triển ổn định và bền vững.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2010
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Thành Long

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Việc thành lập

Công ty cổ phần Chứng khoán Rông Việt (Rông Việt) được thành lập theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 32/UBCK-GPĐKKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp ngày 21/12/2006 với số vốn điều lệ ban đầu là 100 tỷ đồng. Ngày 26/04/2007, Rông Việt chính thức khai trương đi vào hoạt động.

Niêm yết cổ phiếu lần đầu tiên

VDS được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho niêm yết kể từ ngày 12/05/2010 theo Quyết định số 226/QĐ-SGDHN.

Loại chứng khoán:	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán:	VDS
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng chứng khoán niêm yết lần đầu :	33.000.000 cổ phiếu.
Số lượng chứng khoán niêm yết hiện nay:	34.979.987 cổ phiếu.

Ngày 25/05/2010, ngày giao dịch chính thức cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rông Việt (mã chứng khoán: VDS) trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

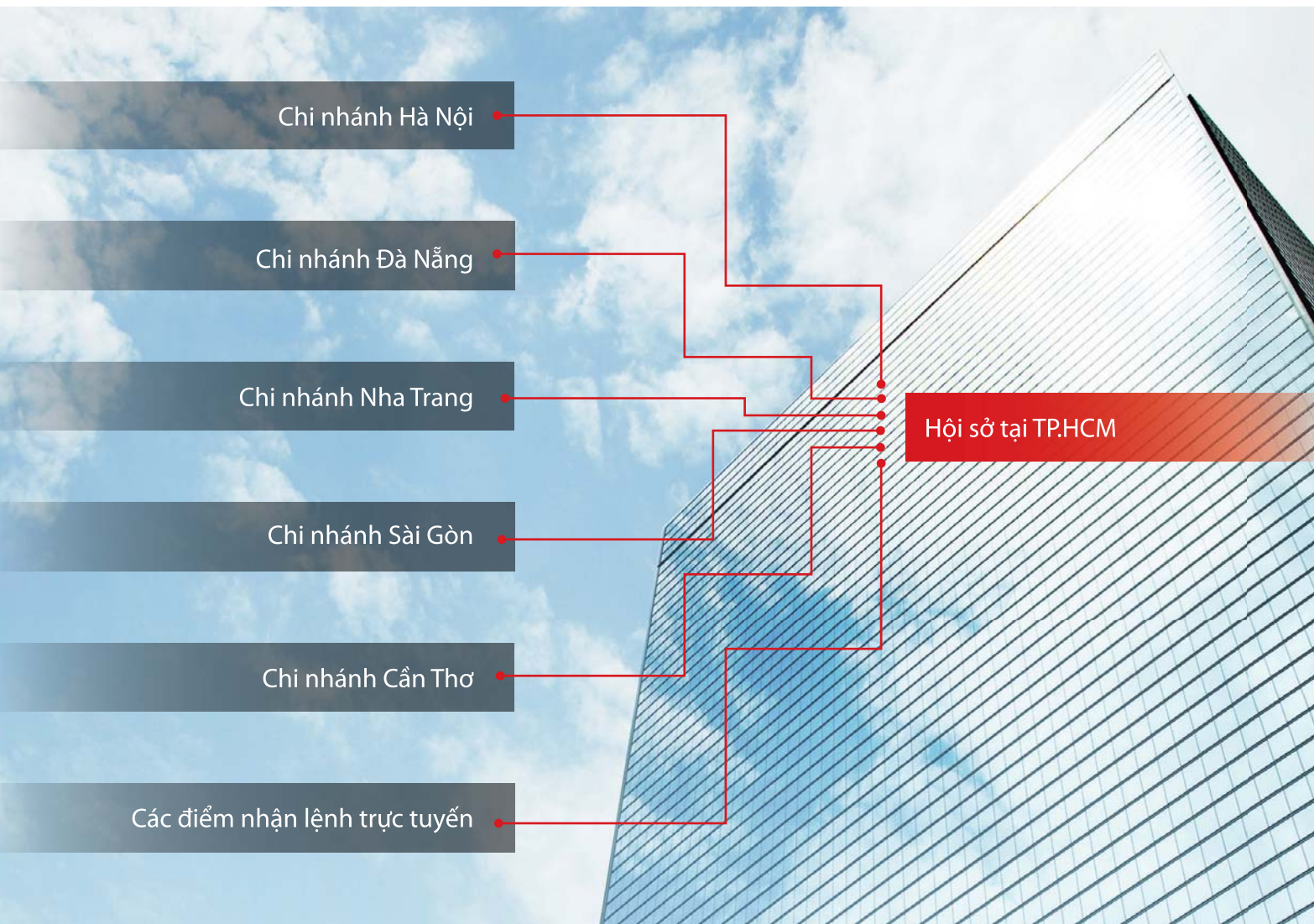
Các đợt tăng vốn điều lệ

Trong bối cảnh quy mô của thị trường chứng khoán Việt Nam ngày càng mở rộng và phát triển, tính cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt, việc tiếp tục tăng cường năng lực tài chính để tăng khả năng cạnh tranh, tăng năng lực đầu tư, đầu tư hệ thống công nghệ thông tin và đầu tư tài sản cố định là hết sức cần thiết. Vì vậy, trong năm 2007, Rông Việt đã phát hành thành công tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 32/UBCK-GP ngày 15/08/2007; Ngày 08/08/2008, UBCKNN đã chấp thuận cho Rông Việt tăng vốn điều lệ lên 330 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 147/UBCK-GP và đến ngày 20/08/2010, Rông Việt đã tăng vốn điều lệ lên 349.799.870.000 đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 347/UBCK-GP của UBCKNN cấp.

Thời điểm	Diễn giải
15/08/2007	Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng thông qua 2 đợt phát hành: - Đợt 1: Phát hành 10 triệu cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng, trong đó phát hành cho cổ đông hiện hữu 8 triệu cổ phiếu theo tỷ lệ 10:8 và phát hành cho cán bộ nhân viên, đối tác chiến lược 2 triệu cổ phiếu. - Đợt 2: Phát hành 10 triệu cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng bằng cách phát hành cho cổ đông hiện hữu 10 triệu cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1
08/08/2008	Tăng vốn điều lệ lên 330.000.000.000 đồng bằng việc phát hành 3 triệu cổ phiếu cho đối tác chiến lược là Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)
20/07/2010	Tăng vốn điều lệ lên 349.799.870.000 đồng bằng việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền là 6% theo danh sách cổ đông hưởng quyền đã chốt ngày 21/07/2010.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.



2006

12 – 2006

Thành lập với vốn điều lệ 100 tỷ đồng

2007

01 – 2007 Trở thành Thành viên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

03 – 2007 Trở thành Thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

04 – 2007 Khai trương hoạt động tại trụ sở chính 147 – 149 Võ Văn Tần, P.6, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh

05 – 2007 Trở thành Thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

08 – 2007 Tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng

12 – 2007 Thành lập Đại lý nhận lệnh Đà Nẵng, Cần Thơ, Nha Trang

2008

02 – 2008 Thành lập Chi nhánh Hà Nội

08 – 2008 Tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 330 tỷ đồng bằng việc phát hành thêm cổ phiếu với tổng mệnh giá phát hành là 30 tỷ đồng cho cổ đông chiến lược là Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam

10 – 2008 Nhận giải thưởng “Thương hiệu chứng khoán uy tín” và Danh hiệu “Công ty đại chúng tiêu biểu”; nhận giải thưởng Cúp vàng “Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam” do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam (VASB), Trung tâm Thông tin tín dụng Ngân hàng Việt Nam (CIC) và Tạp chí Chứng khoán Việt Nam – UBCKNN phối hợp tổ chức.

2009

02 – 2009 Tham gia kết nối giao dịch trực tuyến với HOSE

03 – 2009 Giới thiệu Hệ thống giao dịch trực tuyến eDragon

06 – 2009 Trở thành 01 trong 10 công ty đầu tiên đăng ký giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

10 – 2009 Nhận giải thưởng “Thương hiệu chứng khoán uy tín” và Danh hiệu “Công ty đại chúng tiêu biểu”; nhận giải thưởng Cúp vàng “Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam” do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam (VASB), Trung tâm Thông tin tín dụng Ngân hàng Việt Nam (CIC) và Tạp chí Chứng khoán Việt Nam – UBCKNN phối hợp tổ chức- Lần 2

2010

02 – 2010 Tham gia kết nối giao dịch trực tuyến với HNX

04 – 2010 Khai trương trụ sở chính tại Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM & Thành lập chi nhánh Sài Gòn

05 – 2010 Niêm yết cổ phiếu VDS tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), thành lập Chi nhánh Nha Trang & Chi nhánh Đà Nẵng

06 – 2010 Thành lập chi nhánh Cần Thơ

08 – 2010 Tăng vốn điều lệ từ 330.000.000.000 đồng lên 349.799.870.000 đồng

09 – 2010 Nhận giải thưởng “Thương hiệu chứng khoán uy tín” và Danh hiệu “Công ty đại chúng tiêu biểu”; nhận giải thưởng Cúp vàng “Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam” do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam (VASB), Trung tâm Thông tin tín dụng Ngân hàng Việt Nam (CIC) và Tạp chí Chứng khoán Việt Nam – UBCKNN phối hợp tổ chức - Lần 3

11 – 2010 Ra mắt hệ thống giao dịch trực tuyến iDragon với các tính năng nổi trội & hiện đại

2011

01 – 2011 Thay đổi logo & hệ thống nhận diện thương hiệu





NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM

Niêm yết thành công cổ phiếu VDS tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX): Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 ngày 06/03/2010, Hội đồng quản trị đã hoàn tất việc đưa cổ phiếu VDS niêm yết chính thức trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo Quyết định số 266/QĐ-SGDHN ngày 12/05/2010. Ngày 25/05/2010, mã chứng khoán VDS của Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt được chính thức giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ công ty từ 330 tỷ đồng lên 349,79 tỷ đồng và niêm yết bổ sung cổ phiếu: Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2010, Rồng Việt thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng 6% cho cổ đông hiện hữu. Đến ngày 20/08/2010, căn cứ Giấy phép điều chỉnh số 347/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận Công ty hoàn tất việc phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ Công ty từ 330 tỷ đồng lên 349.799.870.000 đồng.

Chuyển trụ sở chính: Vào tháng 4/2010, công ty đã chuyển địa điểm trụ sở chính sang Tòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM và chính thức khai trương hoạt động vào tháng 03/2010.

Mở rộng mạng lưới chi nhánh nhằm phát triển thị trường mới: Trong năm 2010, Rồng Việt đã phát triển thêm 4 chi nhánh Sài Gòn, Đà Nẵng, Nha Trang và Cần Thơ, hoạt động kinh doanh chủ yếu là cung cấp các dịch vụ môi giới, tư vấn đầu tư và tài trợ giao dịch.

Bên cạnh đó, việc thành lập các chi nhánh cũng nhằm hỗ trợ Khối Ngân hàng đầu tư thực hiện phát triển khách hàng tư vấn và góp phần quảng bá thương hiệu Rồng Việt đến rộng rãi các nhà đầu tư và khách hàng tại các địa phương.

Tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ: Trong bối cảnh thị trường chứng khoán chịu ảnh hưởng từ khủng hoảng kinh tế thế giới, kinh tế vĩ mô trong nước còn nhiều bất ổn, Hội đồng quản trị đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh năm 2010 là tăng dần tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ chứng khoán và môi giới, cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng linh hoạt hơn nhằm hạn chế các rủi ro tiềm ẩn từ thị trường và tập trung nguồn lực tài chính hỗ trợ hoạt động tài trợ giao dịch. Cụ thể năm 2010, cơ cấu thu nhập của công ty đã có sự chuyển dịch hợp lý theo hướng thu nhập từ hoạt động dịch vụ chứng khoán và môi giới ngày càng chiếm tỷ trọng lớn, chiếm trên 51% trong cơ cấu thu nhập của Công ty.

Đầu tư chiến lược vào Công ty cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng: Trong năm 2010, Rồng Việt thực hiện khoản đầu tư dài hạn nhằm sở hữu 15% Công ty cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng (Bảo Long).

Triển khai thành công hệ thống chứng khoán lõi (core securities): Trong năm 2010, Rồng Việt đã đưa vào vận hành chính thức hệ thống Core mới, tích hợp các ứng dụng hiện tại vào hệ thống Core, nâng cấp bổ sung tính năng cho chương trình tài trợ giao dịch cũng như hệ thống iDragon.

GIẢI THƯỞNG VÀ DANH HIỆU

Giải thưởng “Thương hiệu chứng khoán uy tín - 2010” và Danh hiệu “Công ty đại chúng tiêu biểu”; nhận giải thưởng Cúp vàng “Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam” – Lần 3

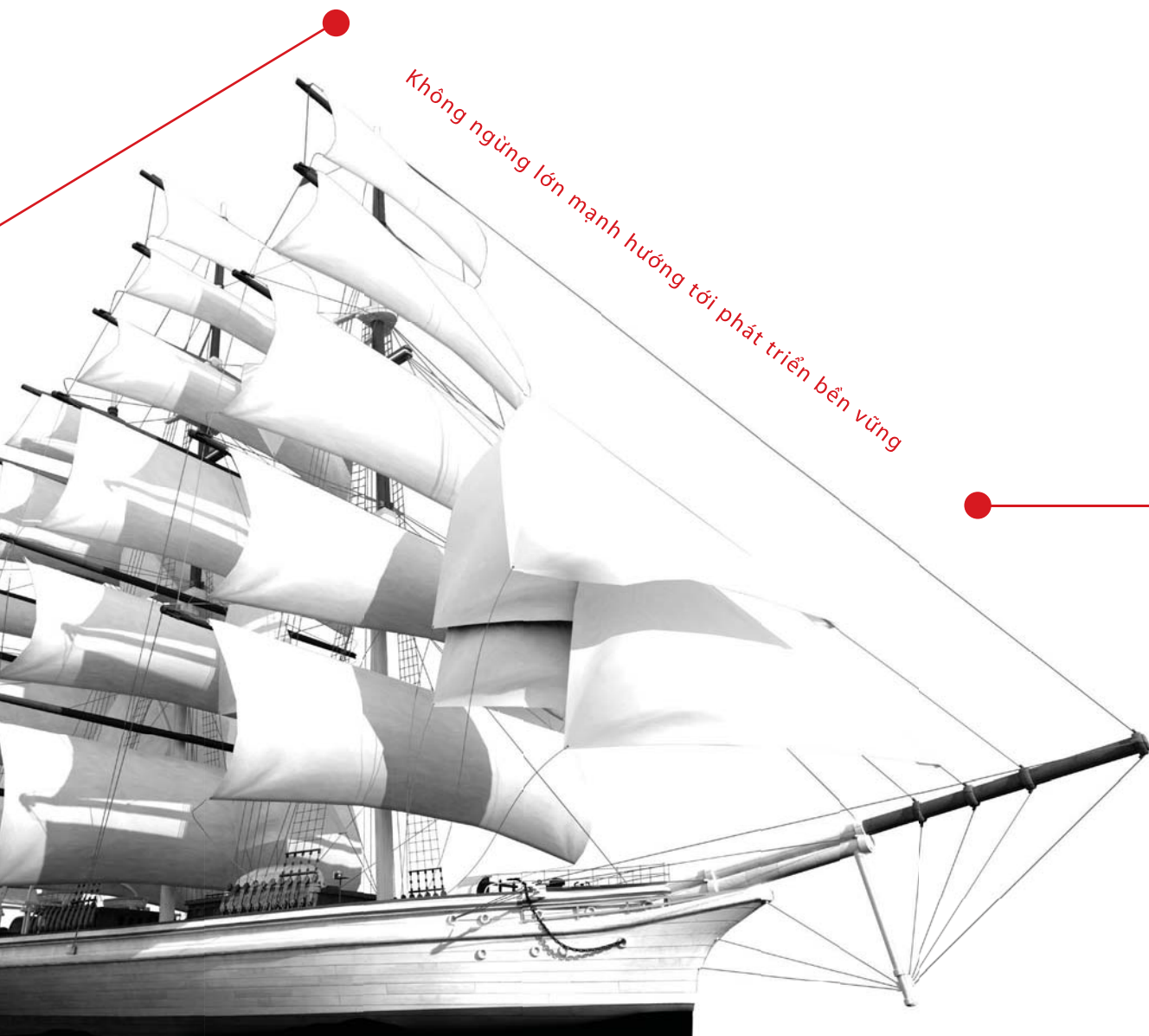


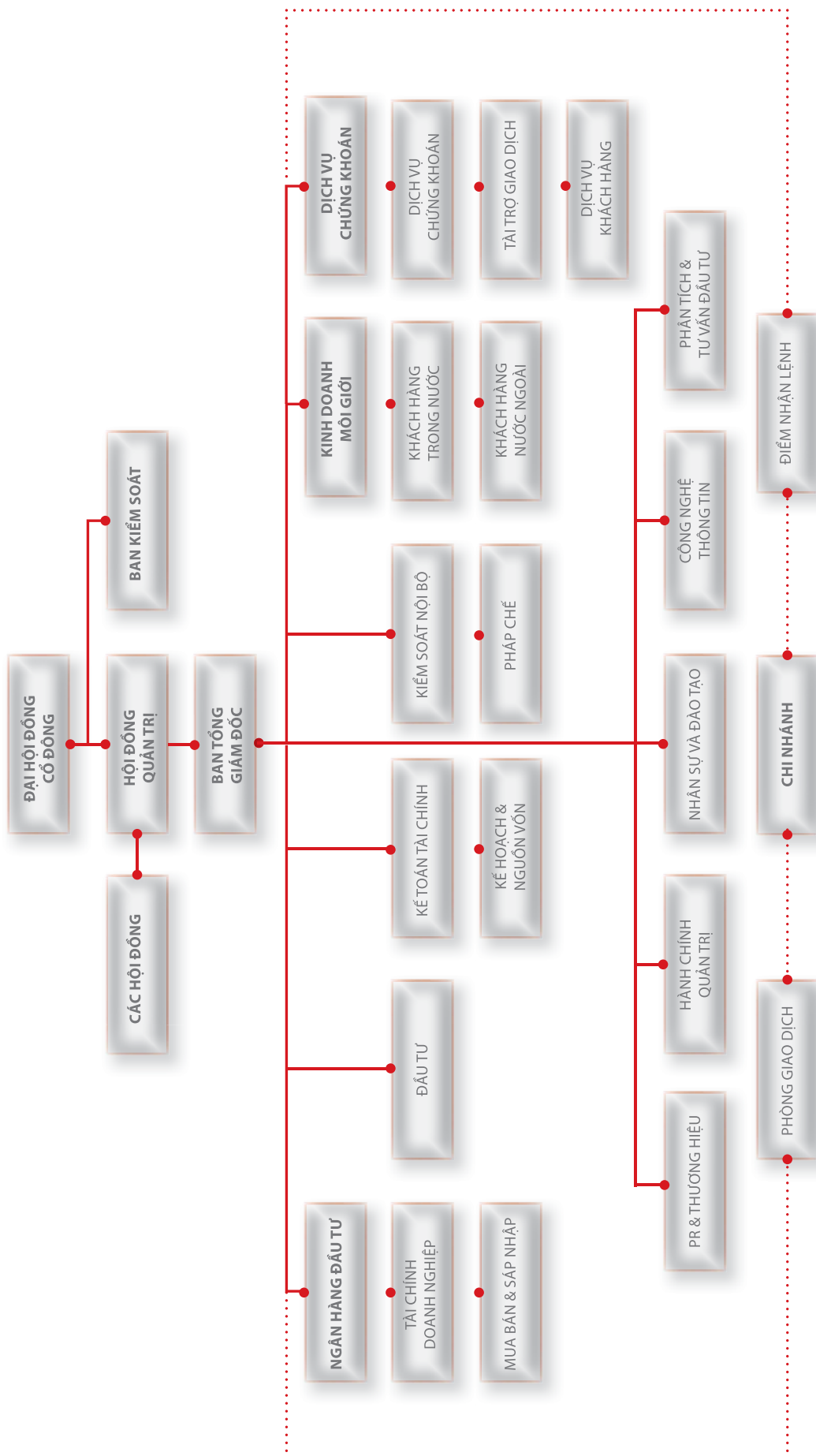
Giải thưởng “Thương hiệu chứng khoán uy tín - 2009” và Danh hiệu “Công ty đại chúng tiêu biểu”; nhận giải thưởng Cúp vàng “Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam” – Lần 2

Giải thưởng “Thương hiệu chứng khoán uy tín - 2008” và Danh hiệu “Công ty đại chúng tiêu biểu”; nhận giải thưởng Cúp vàng “Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam” – Lần 1

HIỆU QUẢ vượt qua mọi thử thách

Không ngừng lớn mạnh hướng tới phát triển bền vững







1. Ông Nguyễn Thành Long

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Thành Long từng là Chủ tịch Hội đồng quản trị Eximbank. Hiện ông Long là Tổng Giám đốc Công ty Vàng bạc Đá quý TP.Hồ Chí Minh (SJC). Ông Long là đại diện phần vốn góp của Eximbank, một trong những cổ đông sáng lập Rông Việt, tham gia Hội đồng quản trị với chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ông Long tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế và Cử nhân Anh văn.

2. Ông Phạm Hữu Phú

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Phạm Hữu Phú có hơn 20 năm kinh nghiệm điều hành và quản lý doanh nghiệp. Ông Phú hiện là Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị Eximbank, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bất động sản Eximland, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long và là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo hiểm Nhà Rông. Ông Phú là một trong những cổ đông sáng lập Rông Việt, tham gia Hội đồng quản trị với chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ông Phú tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM.

3. Ông Nguyễn Miên Tuấn

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Miên Tuấn có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng và thị trường vốn ở Việt Nam. Trước khi tham gia sáng lập Rông Việt, Ông Nguyễn Miên Tuấn từng công tác tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM và sau đó giữ vị trí Trưởng Phòng Đầu tư Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank).

Ông Tuấn là một trong những cổ đông sáng lập Rông Việt, tham gia Hội đồng quản trị với chức danh thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc. Ông Tuấn tốt nghiệp Cao học kinh tế, ngành tài chính ngân hàng tại Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh.



4. Ông Nguyễn Anh Tùng

Thành viên Hội đồng quản trị

Với bề dày kinh nghiệm về tài chính kế toán, ông Nguyễn Anh Tùng hiện đang giữ nhiều vị trí quan trọng: Kế toán trưởng của Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn (Satra), thành viên Hội đồng quản trị Bao bì Sài Gòn (Sapaco), thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn (APT), thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Hợp tác Kinh tế và XNK Savimex, thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần XNK Tổng hợp và Đầu tư Tp. HCM và thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Ánh Dương Việt Nam. Ông Tùng đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn (Satra), một trong những cổ đông sáng lập Rông Việt, tham gia Hội đồng quản trị với chức danh thành viên Hội đồng quản trị. Ông Tùng tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế.

5. Ông Nguyễn Vạn Lý

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Vạn Lý từng tham gia công tác tại Văn phòng UBND TP.Hồ Chí Minh, Công ty XNK Tân Định, Công ty Vàng bạc Đá quý TP.Hồ Chí Minh (SJC) và Eximbank. Ông Lý là một trong những cổ đông sáng lập Rông Việt, tham gia Hội đồng quản trị với chức danh thành viên Hội đồng quản trị. Ông Lý tốt nghiệp Đại học kinh tế Tp. HCM.

6. Ông Nguyễn Thúc Vinh

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Thúc Vinh là sáng lập viên, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Long (VDFM). Trước đó, ông Vinh làm việc tại Sacombank, một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam, và giữ các trọng trách như Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư và Giám đốc Điều hành. Ông Vinh đại diện cho VDFM tham gia Hội đồng quản trị Rông Việt với chức danh thành viên Hội đồng quản trị.

Ông Vinh tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Tài chính tại Đại học New South Wales (University of New South Wales – UNSW) thuộc Sydney Úc.

1. Ông Tôn Thất Diên Khoa

Trưởng Ban kiểm soát

Ông Tôn Thất Diên Khoa đã có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và chứng khoán ở thị trường tài chính Việt Nam. Ông Khoa hiện là Giám đốc Đầu tư Tài chính Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank), thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức, thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy sản số 1 và thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vinaconex-ITC. Ông Khoa là đại diện phần vốn góp của Eximbank và được tin nhiệm giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Rổng Việt.

Ông Khoa tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế, chuyên ngành tài chính ngân hàng – Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Văn Minh

Thành viên Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Minh hoạt động trong lĩnh vực tài chính gần 20 năm. Ông Minh hiện đang là Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cung ứng Tàu biển Sài Gòn và là Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Sài Gòn Á Châu. Ông Minh trở thành thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Chứng khoán Rổng Việt từ tháng 3/2010.

Ông Minh tốt nghiệp Cử nhân kinh tế.

3. Ông Đào Công Thắng

Thành viên Ban kiểm soát

Ông Đào Công Thắng hiện là Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Vàng bạc Đá quý Sài Gòn SJC, Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vàng bạc Đá quý SJC – Minh Khai và là Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương. Ông Thắng trở thành thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Rổng Việt từ tháng 3/2010.

Ông Thắng tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh và Thạc sĩ Công nghệ thông tin.

1. Ông Nguyễn Miên Tuấn

*Thành viên HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc*

Ông Nguyễn Miên Tuấn có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng và thị trường vốn ở Việt Nam. Trước khi tham gia sáng lập Rổng Việt, Ông Nguyễn Miên Tuấn từng công tác tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM và sau đó giữ vị trí Trưởng Phòng Đầu tư Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank).

Ông Tuấn là một trong những cổ đông sáng lập Rổng Việt, tham gia Hội đồng quản trị với chức danh thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

Ông Tuấn tốt nghiệp Cao học kinh tế, ngành tài chính ngân hàng tại Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Hiếu

Phó Tổng Giám đốc

Ông Hiếu có hơn 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và thị trường chứng khoán. Tham gia Rổng Việt từ những ngày đầu thành lập, ông Hiếu đã có nhiều đóng góp quan trọng vào sự mở rộng và phát triển của Công ty.

Ông Hiếu từng tham gia công tác tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – SGDII TP. HCM, Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng Công thương – chi nhánh TP.HCM (IBS-HCM) và giữ chức vụ Trưởng phòng Môi giới Công ty cổ phần Chứng khoán TP.HCM (HSC).

Ông Hiếu tốt nghiệp Thạc sĩ kinh doanh quốc tế, trường Đại học Công nghệ Curtin - Úc.

3. Ông Võ Duy Đạo

Phó Tổng Giám đốc

Ông Đạo có hơn 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Ông Đạo tham gia Rổng Việt từ năm 2007 và đã có nhiều đóng góp quan trọng vào sự phát triển của Công ty.

Trước khi gia nhập Rổng Việt, ông Đạo từng công tác và giữ nhiều chức vụ quan trọng như Giám đốc Chi nhánh Khánh Hòa, Trưởng Phòng Thẩm định, Trưởng Phòng Kế hoạch chiến lược tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank).

Ông Đạo tốt nghiệp Đại học Tài Chính – Kế toán TP. Hồ Chí Minh.

4. Ông Nguyễn Minh Nhựt

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nhựt đã có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và lĩnh vực đầu tư chứng khoán tại Việt Nam. Ông Nhựt tham gia Rổng Việt từ năm 2007 và đã có nhiều đóng góp quan trọng vào sự phát triển của Công ty. Trước đó, ông Nhựt đã từng là chuyên viên tín dụng tại Ngân hàng Công thương Việt Nam- SGD II, Trưởng Phòng Đầu tư - Công ty cổ phần Chứng khoán Tp. HCM, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư tài chính Sài Gòn Á Châu.

Ông Nhựt tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, Trường đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

5. Ông Nguyễn Hữu Tú

Phó Tổng Giám đốc

Tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam từ khi mới thành lập và có hơn 10 năm kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán Việt Nam, ông Tú tham gia Rổng Việt từ tháng 5/2008, chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh của Rổng Việt tại khu vực miền Bắc và trực tiếp phụ trách Chi nhánh Hà Nội.

Trước khi tham gia Rổng Việt, ông Tú công tác tại Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (Vietinbanksc) ở vị trí Phó Giám đốc.

Ông Tú tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế, chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

SÁNG TẠO cùng giải pháp vượt trội

Khẳng định vị thế thông qua phát huy tối đa nguồn lực



THAY ĐỔI TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM

Trong năm 2010, không có thay đổi Tổng Giám đốc điều hành.

QUYỀN LỢI CỦA BAN ĐIỀU HÀNH: TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG VÀ CÁC QUYỀN LỢI KHÁC

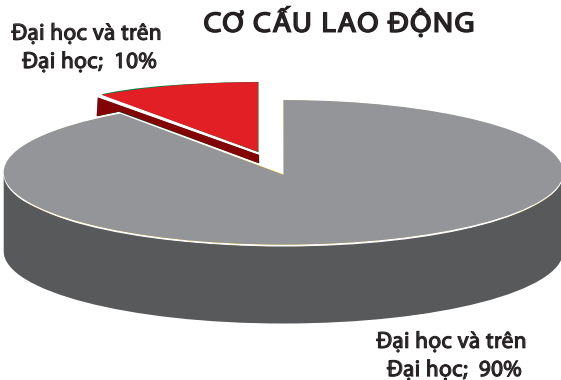
Rông Việt áp dụng chính sách lương, thưởng cạnh tranh dành cho Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý điều hành cao cấp theo hiệu quả làm việc và thành tích của đơn vị. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý điều hành còn nhận được những quyền lợi khác như: bảo hiểm sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ tại bệnh viện cao cấp, khen thưởng lãnh đạo xuất sắc, chuyến đi du lịch nước ngoài dành cho lãnh đạo đạt thành tích xuất sắc trong năm, bảo hiểm tai nạn, và các chế độ phúc lợi khác.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tính đến ngày 31/12/2010, tổng số lao động của công ty là 272 người với cơ cấu lao động như sau:

Cơ cấu	SL lao động (31/12/2010)	Tỷ trọng
Tổng số LĐ	272	100%
Trình độ lao động		
+ Đại học và trên Đại học	244	90%
+ Cao đẳng, trung học, Lao động Phổ thông	28	10%
Giới tính		
+ Lao động Nam	153	56%
+ Lao động Nữ	119	44%
Độ tuổi		
+ Lao động trên 30 tuổi	78	29%
+ Lao động dưới 30 tuổi	194	71%

Về tiền lương: Công ty xây dựng quy chế lương riêng nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù hoạt động của công ty phù hợp quy định của pháp luật. Chính sách lương, thưởng đảm bảo khuyến khích sự đóng góp của người lao động vào hiệu quả hoạt động của toàn công ty.



Về chính sách đào tạo: Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hàng năm nhằm nâng cao trình độ đội ngũ lao động toàn công ty. Hình thức đào tạo chủ yếu được thực hiện dưới dạng đào tạo tại chỗ và đào tạo chuyên sâu với các nội dung:

Đối với cán bộ nhân viên: Các cán bộ nhân viên mới sẽ được tham gia chương trình đào tạo nội bộ do công ty tổ chức. Tùy theo vị trí công tác, các cán bộ nhân viên sẽ được tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ để thi chứng chỉ hành nghề hoặc các chứng chỉ chuyên môn. Ngoài ra, công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo về kỹ năng chăm sóc khách hàng, kỹ năng bán hàng, và các khóa đào tạo ngắn ngày để nâng cao trình độ.

Đối với cán bộ quản lý: Bên cạnh việc tổ chức các khóa đào tạo về kỹ năng quản lý, Công ty còn cử các cán bộ quản lý tham gia các khóa đào tạo ngắn ngày hoặc các hội thảo chuyên môn trong và ngoài nước. Các cán bộ quản lý còn được khuyến khích tham gia các khóa đào tạo trên đại học qua các chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo.

Về chế độ làm việc: Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: chế độ làm việc 8 giờ/ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ tết, ốm, thai sản tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động.

Chế độ khen thưởng: Chế độ khen thưởng của Rông Việt gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng phục vụ. Rông Việt có các chế độ khen thưởng cơ bản như sau: hoàn thành công việc; nhân viên và đơn vị xuất sắc trong năm; nhân viên giỏi trong năm; nhân viên giỏi nghiệp vụ; nhân viên phục vụ tốt khách hàng; nhân viên có sáng kiến.

Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội: Tất cả nhân viên chính thức của Rông Việt được hưởng các chế độ phụ cấp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế phù hợp với Luật lao động. Ngoài ra, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên Rông Việt còn nhận được phụ cấp khác như: phụ cấp độc hại, phụ cấp rủi ro, phụ cấp chuyên môn, ...

Phúc lợi: Ngoài việc thực hiện chính sách phúc lợi của Nhà nước, Rông Việt còn có chương trình thưởng định kỳ vào các dịp lễ (Tết Nguyên Đán, 30/4, ...), khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho Cán bộ nhân viên, cấp phát trang phục làm việc, nón bảo hiểm, chế độ nghỉ mát.

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đại hội đồng Cổ đông thường niên 06/03/2010 đã thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và duy trì số lượng thành viên HĐQT là 06 thành viên; miễn nhiệm 02 thành viên Ban kiểm soát và bầu bổ sung 02 thành viên mới vào Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2006 – 2011.

Miễn nhiệm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Kim	Thành viên HĐQT
Ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên BKS
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên BKS

Bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2006-2011:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên BKS
Ông Đào Công Thắng	Thành viên BKS

NHỮNG NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Trong bối cảnh kinh tế thế giới vẫn phục hồi chậm chạp và trong nước gặp phải nhiều khó khăn, kinh tế Việt Nam trải qua năm 2010 đầy biến động. Các điểm sáng nổi bật trong năm 2010 là GDP tăng 6,78%, cao hơn mục tiêu đặt ra là 6,5%, xuất khẩu tăng mạnh (26,4%), giải ngân vốn FDI được 11 tỷ USD và kiều hối đạt 8 tỷ USD. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam phải đối mặt với rất nhiều khó khăn: giá vàng tăng đột biến (tăng 25% so với năm trước), thâm hụt cán cân thanh toán, lạm phát tăng cao (11,75%), áp lực về tỷ giá và dự trữ ngoại tệ giảm mạnh, lãi suất cao gây khó khăn cho các doanh nghiệp, sức cạnh tranh yếu và hiệu quả thấp của nền kinh tế.

Những khó khăn của nền kinh tế đã tác động trực tiếp vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Năm 2010, năm không thành công của TTCK Việt Nam. Thanh khoản suy yếu trong thời gian dài, 02 chỉ số chứng khoán là VN-Index và HNX-Index đóng cửa ngày 31/12/2010, đạt 484,66 điểm và 114,24 điểm, lần lượt giảm 2% và 32%. Tuy nhiên trong năm 2010, thị trường chứng khoán Việt Nam có 1 số điểm sáng đáng ghi nhận: 79 doanh nghiệp niêm yết tại sàn HOSE, 102 doanh nghiệp niêm yết tại sàn HNX và 82 doanh nghiệp niêm yết sàn UPCOM; 16,1 nghìn tỷ đồng mua ròng của nhà đầu tư nước ngoài; thị trường chứng khoán huy động ước đạt gần hơn 116 nghìn tỷ đồng; số lượng tài khoản các nhà đầu tư tiếp tục tăng cao đạt khoảng 1,1 triệu tài khoản, tăng 38% so với năm 2009.

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán bị ảnh hưởng nặng nề bởi những bất ổn về kinh tế vĩ mô cũng như những rủi ro thay đổi chính sách, hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt năm 2010 chưa hoàn thành trọn vẹn các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Cụ thể, doanh thu thuần đạt 198,62 tỷ đồng đạt 82,42% kế hoạch và lợi nhuận trước thuế là 26,93 tỷ đồng đạt 26,93% kế hoạch. Tuy không đạt kế hoạch đề ra nhưng đã hết nỗ lực.

Đến cuối năm 2010, vốn chủ sở hữu đạt 389,67 tỷ đồng và tổng tài sản đạt 1.082,00 tỷ đồng, tăng tương ứng 5,67% và 16,8% so với cuối năm 2009. Tính đến 31/12/2010, Rồng Việt đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	% Kế hoạch
Doanh thu thuần	241.000	198.624	82.42%
Tổng chi phí	141.000	173.123	122.78%
Lợi nhuận trước thuế	100.000	26.932	26.93%



Năm 2010, Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt đã đạt được kết quả như sau:

- Tổng thu nhập: 200,48 tỷ đồng, hoàn thành 83,18% tổng thu nhập kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua (241 tỷ đồng). Trong đó:
 - Doanh thu thuần 2010 đạt 198,62 tỷ đồng
 - Thu nhập khác đạt 1,86 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 26,93 tỷ đồng, hoàn thành 26,93% kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua (100 tỷ đồng).

Xét về các yếu tố tăng trưởng, Rồng Việt đều có mức tăng trưởng về doanh thu, số lượng tài khoản khách hàng,... so với năm 2009. Bên cạnh đó, Ban điều hành cũng đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ di dời trụ sở chính, thành lập mới 04 chi nhánh tại TP.HCM, Đà Nẵng, Nha Trang và Cần Thơ, đầu tư và đưa vào vận hành thành công hệ thống chứng khoán lõi hiện đại, triển khai có hiệu quả, an toàn hoạt động tài trợ giao dịch góp phần thay đổi cơ cấu thu nhập theo hướng tích cực.

Tuy nhiên, do những khó khăn khách quan từ thị trường và chủ quan từ chỉ đạo điều hành, Ban điều hành đã không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ thông qua.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với những nhận định về thị trường năm 2011, những kinh nghiệm quý báu rút ra từ thực tiễn hoạt động 4 năm qua, trong năm 2011, Hội đồng quản trị Rồng Việt tập trung vào các hoạt động sau:

- Tiếp tục củng cố và nâng cao công tác quản trị thông qua các phiên họp định kỳ ít nhất 2 tháng 1 lần. Cùng với bộ phận thường trực HĐQT tổ chức các phiên họp bất thường theo tình hình thực tế hoặc theo đề xuất, kiến nghị của Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát để xử lý các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Triển khai tìm kiếm và lựa chọn đối tác chiến lược để tăng năng lực tài chính công ty theo chiến lược phát triển giai đoạn 2010 – 2012. Chỉ đạo thực hiện phương án tăng vốn điều lệ của Công ty trong năm 2011 theo đúng tinh thần Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức; rà soát, bổ sung và điều chỉnh các quy chế, quy trình, quy định của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh
- Củng cố và nâng cao chất lượng quản trị, tập trung vào việc hỗ trợ và chỉ đạo Ban điều hành trong công tác phát triển khách hàng, đặc biệt tập trung vào thu xếp, hỗ trợ vốn cho các hoạt động dịch vụ của công ty, mở rộng các quan hệ hợp tác và quản lý rủi ro.
- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2010 - 2015 phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo Cáo Tình Hình Tài Chính

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Kết quả kinh doanh	ĐVT	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Doanh thu thuần	VNĐ	39.274.021.704	146.830.072.511	198.624.156.247
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	VNĐ	(86.570.840.077)	52.987.685.142	25.501.333.182
Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	(85.719.561.053)	54.272.326.550	26.932.548.974
Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	(85.719.561.053)	66.622.074.436	20.938.620.170

Bảng cân đối kế toán	ĐVT	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Tổng tài sản	VNĐ	358.018.314.190	926.365.784.368	1.082.158.374.221
Tài sản ngắn hạn	VNĐ	76.050.783.046	744.770.935.073	961.003.143.409
Tài sản dài hạn	VNĐ	281.967.531.144	181.594.849.295	121.155.230.812
Vốn điều lệ	VNĐ	330.000.000.000	330.000.000.000	349.799.870.000
Vốn chủ sở hữu	VNĐ	302.337.883.630	368.733.088.933	389.671.709.103

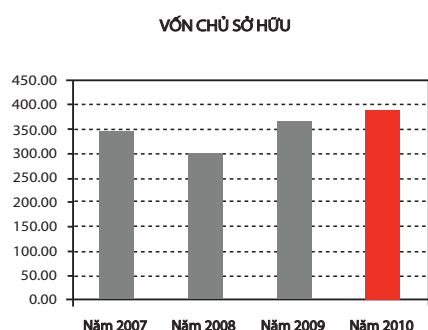
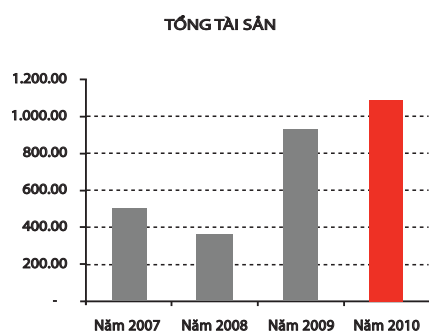
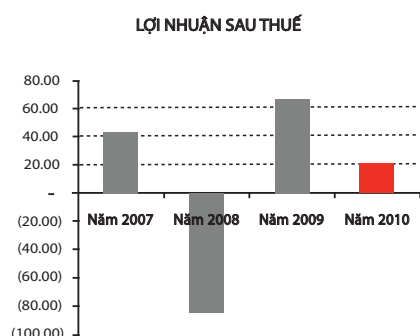
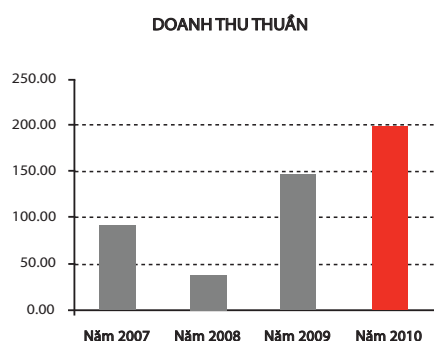
Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản	ĐVT	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	21,24%	80,40%	88,80%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	78,76%	19,60%	11,20%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	15,55%	60,20%	63,99%
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	%	84,45%	39,80%	36,01%

Tỷ suất sinh lời	ĐVT	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	-218,26%	45,37%	10,54%
Lợi nhuận sau thuế / VCSH bình quân	%	-26,47%	19,86%	5,52%
Lợi nhuận sau thuế / TTS bình quân	%	-20,08%	10,37%	2,08%
Lợi nhuận sau thuế/VĐL bình quân	%	-27,21%	20,19%	6,16%

Giá trị sổ sách

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Giá trị tại 31/12/2009	Giá trị tại 31/12/2010
Tổng giá trị theo sổ sách	368.733.088.933	389.671.709.103
Vốn Điều lệ hiện tại	330.000.000.000	349.799.870.000
Mệnh giá một cổ phần	10.000	10.000
Số cổ phần hiện hành(cổ phần)	33.000.000	34.979.987
Thư giá/cổ phần (đồng/cp)	11.174	11.140



Những thay đổi về vốn cổ đông

Trong năm 2010, Rông Việt thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 6% tăng vốn điều lệ từ 330.000.000.000 đồng lên 349.799.870.000 đồng.

Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thưởng, cổ phiếu ưu đãi...)

- Số lượng : 34.979.987 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Loại cổ phần : cổ phần phổ thông

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: (thời điểm 31/12/2010)

- Số lượng : 34.979.987 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Loại cổ phần : cổ phần phổ thông

Chính sách cổ tức và cổ tức năm 2010

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Năm 2007, Rông Việt thực hiện chia cổ tức với tỷ lệ 12%. Trong năm 2008, hoạt động kinh doanh của Rông Việt gặp nhiều khó khăn dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh lỗ. Vì vậy, Rông Việt không chia cổ tức trong năm 2008.

Năm 2009, hoạt động kinh doanh của Rông Việt có lãi nhưng vẫn còn lỗ lũy kế. Do vậy, năm 2009 Rông Việt không chia cổ tức. Tuy nhiên, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 ngày 06/03/2010 đã thông qua phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 6% từ nguồn thặng dư cổ phần của Công ty và được thực hiện vào tháng 07/2010.

Báo Cáo Tình Hình Tài Chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	So sánh	
				% Kế hoạch	% tăng giảm 2009
Tổng doanh thu	146.830	241.000	198.624	135,27%	82,42%
Môi giới	43.058	85.000	36.168	84,00%	42,55%
Dịch vụ chứng khoán	9.000	65.000	52.889	587,66%	81,37%
Ngân hàng đầu tư	1.728	10.000	3.935	227,72%	39,35%
Đầu tư tài chính	87.909	75.000	92.296	104,99%	123,06%
Hoạt động khác	5.135	6.000	13.336	259,71%	222,27%
Tổng chi phí	93.842	141.000	173.123	184,48%	122,78%
Chi phí hoạt động kinh doanh	67.453	73.000	115.398	171,08%	158,08%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.389	68.000	57.725	218,75%	84,89%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	52.988	100.000	25.501	48,13%	25,50%
Lợi nhuận khác	1.284	0	1.431	111,45%	
Lợi nhuận trước thuế	54.272	100.000	26.932	49,62%	26,93%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.350)		5.994	-48,53%	
Lợi nhuận sau thuế	66.622		20.938	31,43%	
EPS (đồng)	2.019		599	29,67%	

Năm 2010, hoạt động kinh doanh của Rong Viet cũng gặp rất nhiều khó khăn, các chỉ tiêu đặt ra đều chưa được hoàn thành. Kết thúc năm 2010, hoạt động kinh doanh của Rong Viet có lãi (Lợi nhuận sau thuế đạt 20,93 tỷ đồng) và đã bù được khoản lỗ lũy kế. Do vậy, Rong Viet sẽ không thực hiện chia cổ tức năm 2010.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán bị ảnh hưởng nặng nề bởi những bất ổn về kinh tế vĩ mô cũng như những rủi ro thay đổi chính sách, hoạt động của Rong Viet năm 2010 chỉ đạt 26,93% kế hoạch lợi nhuận đã trình Đại hội cổ đông.

Hầu hết các chỉ tiêu về doanh thu đều không đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, cơ cấu doanh thu đã có sự chuyển dịch hợp lý theo hướng doanh thu từ hoạt động dịch vụ chứng khoán và môi giới ngày càng chiếm tỷ trọng lớn.

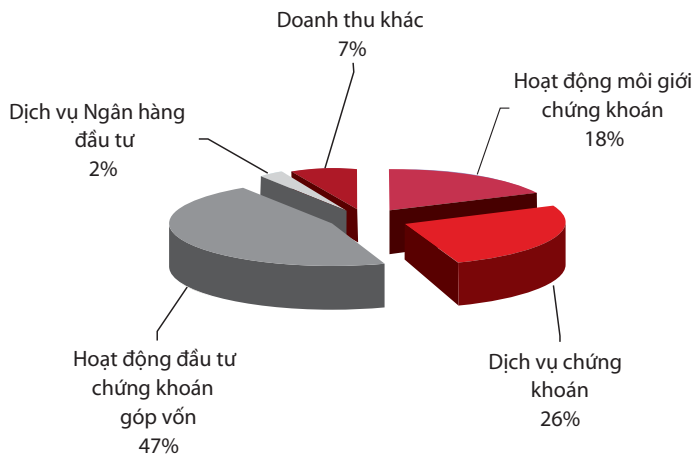
Lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 26,93% kế hoạch đề ra cho cả năm. Tuy không đạt kế hoạch đề ra nhưng đã cơ bản hết lỗ lũy kế.

Đến cuối năm 2010, vốn chủ sở hữu của Rong Viet đạt 389,67 tỷ đồng và tổng tài sản đạt 1.082 tỷ đồng, bằng 1,2 lần so với cuối năm 2009 (926 tỷ đồng)

Nguyên nhân của việc không hoàn thành kế hoạch kế hoạch lợi nhuận là do:

- Bối cảnh nền kinh tế và thị trường chứng khoán diễn biến không thuận lợi, dẫn đến giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường chỉ bằng mức bình quân năm 2009 (2.500 tỷ đồng/phiên) thấp hơn nhiều so với dự báo khi xây dựng kế hoạch (3.500 tỷ đồng/phiên) đã ảnh hưởng đáng kể đến nguồn thu từ hoạt động môi giới và dịch vụ chứng khoán.
- Giá cổ phiếu trên thị trường giảm mạnh so với năm 2009 khiến cho thu nhập từ hoạt động tự doanh năm 2010 không đạt được kế hoạch đề ra.
- Mặc dù đã hết sức nỗ lực, theo dõi sát sao tình hình kinh tế và thị trường chứng khoán nhưng công tác chỉ đạo điều hành của Ban điều hành vẫn chưa theo kịp với những diễn biến và xu hướng của thị trường. Thị phần môi giới chỉ đạt 1,52%, mặc dù tăng 12,6% so với năm 2009 nhưng chưa đạt được mục tiêu 2% đã đề ra, làm ảnh hưởng đến doanh thu môi giới. Hoạt động tự doanh chưa tận dụng được hết các cơ hội khi thị trường tăng giá. Đây cũng là những nguyên nhân khiến cho kết quả kinh doanh không đạt như kế hoạch đề ra.

CƠ CẤU DOANH THU THUẦN NĂM 2010



Hoạt động môi giới chứng khoán

Phát triển khách hàng:

Trong năm 2010, Rông Việt đã phát triển thêm được 21.617 tài khoản, đưa tổng số tài khoản của Công ty đến hết tháng 12/2010 đạt 47.225 tài khoản, vượt 4,94% kế hoạch năm (45.000 tài khoản), tăng 84,42% so với năm 2009 (25.608 tài khoản) và đứng thứ 6 trong nhóm công ty chứng khoán có số lượng tài khoản lớn nhất.

Thị phần môi giới:

Thị phần môi giới của Rông Việt tính trên toàn thị trường năm 2010 đạt 1,52%, tăng 0,17% so với mức 1,35% năm 2009. Trong đó, thị phần tại HSX chiếm 1,76%, tăng nhẹ so với mức 1,62% trong năm 2009, tại HNX chiếm 1,1% thị phần tăng khá so với mức 0,84% của năm 2009.

Doanh thu môi giới:

Doanh thu môi giới trong năm đạt 36,168 tỷ đồng, xấp xỉ mức 36,8 tỷ đồng của năm 2009, chỉ đạt 42,5% kế hoạch cả năm (85 tỷ đồng). Nguyên nhân là do giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường không như kỳ vọng, bên cạnh đó chỉ tiêu thị phần môi giới toàn thị trường cũng chưa đạt chỉ tiêu đề ra là 2% toàn thị trường. Bên cạnh đó, mức phí môi giới bình quân chỉ đạt 0,18% thay vì đạt mức 0,2% so với kế hoạch đề ra.

Hoạt động dịch vụ chứng khoán

Hoạt động dịch vụ chứng khoán (gồm tài trợ giao dịch, các dịch vụ ứng trước, cầm cố, báo giá, quản lý cổ đông...) vẫn là nguồn thu chủ lực. Năm 2010, doanh thu hoạt động này là 52,889 tỷ đồng, đạt 81,4% kế hoạch năm (65 tỷ đồng), tăng mạnh so với mức 9 tỷ đồng của năm 2009. Trong đó:

- Hoạt động tài trợ giao dịch đóng góp chủ yếu vào cơ cấu doanh thu với mức doanh thu trên 50 tỷ đồng. Tổng số dư nợ tài trợ giao dịch cho khách hàng đến cuối năm 2010 đã đạt mức 463 tỷ đồng. Số dư bình quân cả năm ước đạt khoảng 310 tỷ đồng. Lãi suất tài trợ bình quân cả năm ước đạt hơn 17%.
- Hoạt động quản lý cổ đông mang lại doanh thu 958 triệu đồng. Hiện nay, các đơn vị sử dụng dịch vụ quản lý cổ đông của Rông Việt gồm có: Tim Tâm Đức, Bảo Long, Eximland, Nhà Vui, Vĩnh Tường, Dược phẩm TW2 và Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội.
- Hoạt động chăm sóc khách hàng đã có bước tiến đáng kể với việc hoàn thành phân loại đánh giá khách hàng, thực hiện các chương trình "Tri ân khách hàng", tổ chức cho khách hàng lớn, khách hàng thân thiết đi du lịch,...

Hoạt động ngân hàng đầu tư

Trong bối cảnh tình hình tài chính trong nước và quốc tế nói chung chưa thoát khỏi hoàn toàn giai đoạn khủng hoảng, tác động mạnh đến nhu cầu trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng đầu tư, hoạt động ngân hàng đầu tư của Rông Việt trong năm 2010 không đạt kế hoạch thu nhập đề ra. Tổng thu nhập trong năm là 3,935 tỷ đồng, bằng 39,35% kế hoạch năm.

Hoạt động tư vấn phát hành chứng khoán:

Trong năm 2010, Rông Việt đã thực hiện tư vấn phát hành ra công chúng cho 09 doanh nghiệp bao gồm: Bảo Long, Đất Xanh, Vinaship, Bao bì Xi măng Hải Phòng, Bảo vệ thực vật Sài Gòn, Tim Tâm Đức, Hữu Toàn, MT Gas, Đệ Tam. Trong đó, 7 đơn vị đã hoàn thành việc phát hành. Ngoài ra, Rông Việt cũng tư vấn phát hành riêng lẻ cho các đơn vị là Mía đường Lam Sơn, Đầu tư Phát triển miền Trung, Caseamex,... Thông qua hoạt động tư vấn phát hành, Rông Việt đã giúp các doanh nghiệp huy động được 732 tỷ đồng trong năm 2010.

Hoạt động tư vấn cổ phần hóa:

Thực hiện 02 hợp đồng cho 585 và Công ty xây dựng công trình đường thủy 2.

Hoạt động tư vấn niêm yết:

Trong năm 2010, Rông Việt chỉ đưa được 01 công ty lên niêm yết trên HSX (Đệ Tam), 2 công ty niêm yết HNX (VDS, Mỹ thuật truyền thống), 05 công ty lên sàn Upcom (HPT, Thương mại Mộc Hóa, Bảo vệ thực vật Sài Gòn, Nam Dược và Cơ khí điện lực). Nhìn chung hoạt động tư vấn niêm yết chưa đạt kế hoạch đề ra một phần xuất phát từ phía các doanh nghiệp chậm trễ kế hoạch niêm yết.

Hoạt động bảo lãnh phát hành:

Trong năm 2010, Rông Việt đã bảo lãnh phát hành thành công 3 hợp đồng bảo lãnh phát hành với CTCP Mía đường Lam Sơn, CTCP Bảo hiểm Nhà Rông, CTCP Xây dựng 47 mang lại doanh thu thuần là 2,9 tỷ đồng, chiếm 74,3% tổng doanh thu thuần của hoạt động ngân hàng đầu tư.

Tính đến thời điểm cuối tháng 12/2010, Rông Việt đang tiếp tục triển khai 31 hợp đồng tư vấn niêm yết, 9 hợp đồng chào bán ra công chúng, 8 hợp đồng chào bán riêng lẻ và 7 hợp đồng tư vấn khác với tổng giá trị là 4,2 tỷ đồng.

Hoạt động tự doanh

Hoạt động tự doanh trong năm 2010 tuy chưa tận dụng tốt cơ hội của thị trường trong tháng 4 và tháng 11 để nâng cao giá trị lợi nhuận của danh mục đầu tư nhưng với định hướng rõ ràng, thường xuyên theo dõi cập nhật tin tức, gặp gỡ các doanh nghiệp, đánh giá thị trường, tận dụng cơ hội điều chỉnh của thị trường để mua vào tích lũy và bán ghi lợi nhuận khi thị trường tăng trở lại đã mang lại khoản lợi nhuận thuần là 49,3 tỷ đồng.

Đến cuối năm, tổng giá trị danh mục đầu tư của Rông Việt đạt 371 tỷ đồng. Tỷ lệ cổ phiếu chưa niêm yết giảm so với năm 2009 do trong năm có 3 cổ phiếu tiến hành niêm yết trên sàn HSX và HNX.

Trong năm 2010, Rông Việt thực hiện bảo lãnh phát hành và tham gia đầu tư trở thành cổ đông sở hữu gần 15% cổ phần của Công ty Bảo hiểm Nhà Rông với giá trị đầu tư gần 73 tỷ đồng, tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty. Đây là khoản đầu tư chiến lược nhằm phối hợp sử dụng có hiệu quả nguồn vốn nhàn rỗi của Bảo hiểm Nhà Rông.

Hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư

Hoạt động phân tích năm 2010 đã có bước tiến bộ đáng kể về lượng và chất với việc hoàn thành các nhóm báo cáo bao gồm:

- Nhóm báo cáo về kinh tế và thị trường chứng khoán: Bản tin chứng khoán, Báo cáo phân tích kỹ thuật, báo cáo chiến lược đầu tư, Báo cáo triển vọng thị trường chứng khoán.
- Nhóm báo cáo phân tích cơ bản: Báo cáo phân tích công ty, Báo cáo phân tích ngành, danh mục đề xuất đầu tư.
- Đã thường xuyên tổ chức các hội thảo cho khách hàng ở Hội sở chính và các chi nhánh.

Những tiến bộ công ty đạt được

Tái cấu trúc bộ máy và phát triển nhân sự

Trong năm 2010, Rông Việt đã thực hiện tái cấu trúc Bộ máy tổ chức theo hướng tách bạch các chức năng kinh doanh - hỗ trợ - giám sát nhằm phù hợp hơn với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty trong thời gian tới.

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	% tăng/giảm	(*)
Thu nhập	18.229.095.231	46.062.797.395	152,69%	
Lãi bán CK đầu tư, góp vốn	8.752.960.007	37.542.602.325	328,91%	
Cổ tức	9.476.135.224	8.520.195.070	-10,09%	
Chi phí dự phòng	(29.664.183.631)	(3.256.058.435)	-89,02%	
Số dư dự phòng	29.055.090.858	25.799.032.423	-11,21%	
Lãi lỗ từ hoạt động tự doanh	47.893.278.862	49.318.855.830	2,98%	

(*) Hoạt động tự doanh

Tính đến cuối năm 2010, tổng số cán bộ nhân viên (CBNV) tại công ty là 272 tăng 58% so với năm 2009 (172 CBNV). Trong đó: lao động nữ là 119 người chiếm 44%; Số CBNV chính thức là 256 người chiếm 94%; Cán bộ quản lý là 61 người chiếm 22%; số CBNV có trình độ đại học và trên đại học là 244 người chiếm 90%; số CBNV có độ tuổi từ 30 trở xuống là 194 người chiếm 71%.

Đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin

Trong năm 2010, hoạt động công nghệ thông tin của Rong Việt đã thực hiện tốt các công tác quản lý hạ tầng, quản trị hệ thống giao dịch và phát triển ứng dụng. Rong Việt đã hoàn tất việc di dời xây dựng phòng máy chủ và hệ thống hạ tầng mới tại trụ sở chính, mở rộng mạng lưới tại các chi nhánh, triển khai SMA. Đặc biệt trong năm Rong Việt đã đưa vào vận hành chính thức hệ thống Core mới, tích hợp các ứng dụng hiện tại vào hệ thống Core, nâng cấp bổ sung tính năng cho chương trình tài trợ giao dịch cũng như hệ thống eDragon, iDragon.

Công tác mở rộng mạng lưới chi nhánh

Trong năm 2010, Rong Việt đã thành lập thêm 04 Chi nhánh mới tại TP.HCM, Đà Nẵng, Nha Trang và Cần Thơ song song với việc chuyển trụ sở chính của Công ty sang Tòa nhà Viet Dragon – 141 Nguyễn Du, Quận 1, TP.HCM và chính thức khai trương hoạt động vào tháng 03/2010.

Kiểm soát nội bộ-quản lý rủi ro và pháp chế

Trong năm 2010, hoạt động kiểm soát nội bộ của Rong Việt đã được thực hiện thường xuyên đối với các hoạt động cầm cố, ứng trước, quản lý cổ đông, lưu ký, tiền gửi, đặc biệt là hoạt động hợp tác đầu tư... nhằm đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và của Rong Việt.

Thêm vào đó, Rong Việt đã thiết lập được mạng lưới kiểm soát nội bộ tại Trụ sở chính và các Chi nhánh, xây dựng hệ thống quy trình kiểm tra kiểm soát, thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát hoạt động kinh doanh môi giới của toàn Công ty, phát hiện một số thiếu sót và yêu cầu bổ sung điều chỉnh cũng như có những đề xuất để công tác quản lý của Khối Dịch vụ chứng khoán ngày càng hoàn thiện.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Nhận định tình hình kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2011

- Tình hình kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi sẽ hỗ trợ cho sự ổn định của thị trường chứng khoán toàn cầu.

Tuy vậy, những thách thức do giá cả tăng cao và bất ổn chính trị ở Bắc Phi và Trung Đông có thể tác động tiêu cực đến cục diện kinh tế toàn cầu.

- Kinh tế Việt Nam sẽ đạt mức tăng trưởng GDP 6,5 - 7%. Lạm phát có khả năng vượt mức một con số. Lãi suất cho vay sẽ dao động xung quanh mức 16-19%. Tỷ giá xoay quanh mức 20.500-22.000 đồng/USD.
- Thị trường chứng khoán Việt Nam: Với việc kinh tế vĩ mô được dự báo còn nhiều khó khăn trong 6 tháng đầu năm và được kỳ vọng là sẽ chuyển biến tích cực hơn trong 6 tháng cuối năm 2011. Dự báo chỉ số VN-Index sẽ dao động trong năm ở mức 420-580 điểm, giá trị giao dịch bình quân ước đạt 2.500 - 2.800 tỷ đồng/phần.

Mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2011 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rong Việt

Lựa chọn mục tiêu kinh doanh

Với những nhân định về thị trường năm 2011, những kinh nghiệm quý báu rút ra từ thực tiễn hoạt động 4 năm qua, Hội đồng quản trị và Ban điều hành quyết định lựa chọn mục tiêu kinh doanh năm 2011 như sau:

- Xây dựng kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng và sẽ thực hiện khi điều kiện thị trường thuận lợi.
- Tập trung vào hiệu quả kinh doanh với mức cổ tức kế hoạch tối thiểu là 8-10%.
- Không phát triển thêm mạng lưới mà tập trung củng cố và hoạt động cho có hiệu quả đối với các chi nhánh đã thành lập trong năm 2010.
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tài trợ giao dịch để đưa hoạt động này trở thành nguồn thu chủ lực và ổn định cho Công ty (chiếm khoảng 40-50% tổng thu nhập).
- Định hướng lại hoạt động đầu tư với các tiêu chí cụ thể cho từng khoản mục: đầu tư chiến lược, giao dịch và thu xếp các thương vụ (phối hợp với mảng ngân hàng đầu tư).
- Về hoạt động môi giới: Không chủ trương tiếp tục phát triển số lượng tài khoản mà tập trung khai thác các khách hàng hiện có để kích hoạt giao dịch. Mục tiêu phấn đấu là đạt được 2% thị phần toàn thị trường để lọt vào nhóm 10 công ty dẫn đầu thị trường về thị phần môi giới.

Kế hoạch tài chính và các mục tiêu chủ yếu:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2010	KH 2011	%KH/TH
Tổng doanh thu	198.624	237.163	119,40%
Tổng chi phí	173.123	184.455	106,55%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	25.501	52.708	206,69%
Lợi nhuận trước thuế	26.932	52.708	195,71%
Lợi nhuận sau thuế	20.938	40.058	191,32%

Hoạt động môi giới

- Số lượng tài khoản cuối năm : Tối thiểu là 55.000 tài khoản.
- Phần đầu đạt thị phần môi giới toàn thị trường là 1,95%, thuộc nhóm 10 công ty dẫn đầu thị trường về thị phần môi giới ở HSX và nhóm 15 công ty dẫn đầu thị phần môi giới ở HNX.
- Doanh thu môi giới tối thiểu đạt 50 tỷ đồng.

Hoạt động dịch vụ chứng khoán:

- Đạt số dư tài trợ bình quân tối thiểu là 560 tỷ đồng.
- Doanh thu dịch vụ chứng khoán đạt tối thiểu 107,5 tỷ đồng.
- Hạn chế rủi ro nợ xấu đối với hoạt động tài trợ giao dịch ở mức dưới 1%
- Tập trung chăm sóc khách hàng có chất lượng, kích hoạt giao dịch của nhóm khách hàng vắng lai và đẩy mạnh giao dịch trực tuyến.

Hoạt động ngân hàng đầu tư

- **Đẩy mạnh hoạt động thu xếp vốn (cổ phiếu, trái phiếu...)** với mục tiêu thu xếp và bảo lãnh phát hành tối thiểu là 600 tỷ đồng.
- **Phấn đấu đưa từ 8-10 doanh nghiệp lên niêm yết trên HSX và HNX trong năm 2011.**
- **Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng.**

Hoạt động đầu tư

- Hoàn thành việc tái cấu trúc danh mục theo mục đích đầu tư chiến lược, giao dịch và thương vụ.

- Tăng số vòng quay vốn đầu tư, giảm bớt tình trạng mất thanh khoản của cổ phiếu.

- Tăng hoạt động đầu tư thương vụ, kết hợp hoạt động ngân hàng đầu tư.

Các giải pháp thực hiện kế hoạch

Để đạt được các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh đã đề ra, Rong Viet đã lập kế hoạch hoàn thành các mục tiêu này.

- Xây dựng phương án tăng năng lực tài chính với vốn điều lệ tối thiểu 500 tỷ đồng thông qua việc phát hành cho cổ đông hiện hữu hoặc đối tác chiến lược để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động tài trợ giao dịch đồng thời tăng vị thế của Rồng Việt.
- Tiếp tục điều chỉnh cơ cấu tổ chức của các Khối Kinh doanh môi giới và Dịch vụ chứng khoán nhằm phát huy cao nhất hiệu quả hoạt động.
- Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, quy định về tài trợ giao dịch, xây dựng cơ chế đặc thù dành cho các khách hàng VIP, khách hàng lớn, cho từng nhóm cổ phiếu.
- Tiếp tục điều chỉnh cơ chế thu nhập theo doanh số theo hướng cạnh tranh hơn để thu hút nhân sự giỏi và tạo động lực cho các nhân sự hiện hữu.
- Tiếp tục nghiên cứu cải tiến chất lượng các sản phẩm phân tích và tư vấn đầu tư nhằm cung cấp thông tin kịp thời và tư vấn hiệu quả cho khách hàng. Bên cạnh đó, nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ và công tác chăm sóc khách hàng.
- Tiếp tục chủ động tìm kiếm nguồn vốn từ các định chế tài chính, các tổ chức và cá nhân để đảm bảo nguồn phục vụ cho hoạt động tài trợ vốn cho khách hàng. Bên cạnh các đối tác truyền thống như Eximbank, Bảo Long, Satra..., mở rộng thêm mối quan hệ hợp tác với các đối tác tài chính khác để bổ sung nguồn vốn tài trợ.
- Tăng cường hiệu quả hoạt động của các chi nhánh thông qua các chính sách, cơ chế đặc thù phù hợp với tập quán kinh doanh ở từng vùng. Trao thêm quyền chủ động trong hoạt động kinh doanh cho các chi nhánh trên cơ sở hoàn chỉnh cơ chế giám sát các hoạt động của Chi nhánh.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chứng khoán lõi, nâng cấp bổ sung các tính năng ưu việt của hệ thống giao dịch trực tuyến nhằm tạo lợi thế cạnh tranh trong việc thu hút



khách hàng. Bên cạnh đó, có các chính sách quảng bá phù hợp nhằm tăng tỷ lệ khách hàng sử dụng hệ thống giao dịch trực tuyến.

- Tập trung mọi nguồn lực cho công tác phát triển khách hàng của hoạt động ngân hàng đầu tư và hoạt động môi giới nhằm thu hút nhiều khách hàng mới, khách hàng lớn, khách hàng có uy tín... có khả năng đóng góp vào hiệu quả hoạt động của Rổng Việt.
- Đổi mới về quan điểm và phương thức điều hành đối với hoạt động đầu tư nhằm nâng cao tính hiệu quả của hoạt động đầu tư.
- Chú trọng công tác tuyển dụng nhân sự tài năng trong một số mảng nghiệp vụ trọng yếu, tăng cường và chuẩn hóa công tác đào tạo đặc biệt là đào tạo cán bộ quản lý nhằm xây dựng một đội ngũ nhân sự ưu tú, tâm huyết và gắn bó với sự nghiệp phát triển Rổng Việt. Xây dựng chính sách thu nhập cạnh tranh trên cơ sở thưởng phạt công minh, nghiêm khắc nhằm tăng cường tính kỷ luật, chuyên nghiệp và tạo động lực phấn đấu cho đội ngũ nhân sự toàn hệ thống.
- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty diễn ra an toàn, hiệu quả và đúng pháp luật.





BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TÁC KIỂM TRA KIỂM SOÁT ĐỊNH KỲ

Căn cứ theo quy định pháp luật và các quy định hiện hành của Công ty, Bộ phận Kiểm soát nội bộ lập kế hoạch và tiến hành kiểm tra về mọi mặt hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo tính chính xác, tính tuân thủ. Qua công tác kiểm tra, kiểm soát định kỳ, Bộ phận Kiểm soát nội bộ đã cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan tới Ban Tổng giám đốc thông qua các Báo cáo kiểm soát từ đó có thể đánh giá hoạt động của các phòng ban, kiểm soát rủi ro và tiến hành điều chỉnh các sai sót (nếu có). Cụ thể trong Bộ phận Kiểm soát nội bộ thực hiện công tác kiểm tra như sau:

- Kiểm tra kiểm soát các hoạt động của Khối Dịch vụ chứng khoán bao gồm các hoạt động quản lý tiền gửi, lưu ký chứng khoán, hoạt động nhận, truyền lệnh khách hàng, hoạt động thanh toán bù trừ ...
- Kiểm tra kiểm soát các hoạt động của Ngân hàng đầu tư
- Kiểm tra kiểm soát các hoạt động của Phòng Hành chính nhân sự và Phòng Công nghệ thông tin
- Kiểm tra kiểm soát các hoạt động của các Chi nhánh.

CÔNG TÁC KIỂM TRA KIỂM SOÁT ĐỘT XUẤT

Bên cạnh việc tiến hành công tác kiểm tra kiểm soát theo định kỳ, Bộ phận Kiểm soát nội bộ Công ty còn thường xuyên tiến hành hoạt động kiểm soát đột xuất các phòng ban, bộ phận nhằm hạn chế tối đa các phát sinh và kịp thời xử lý, khắc phục trong trường hợp có sai sót xảy ra.

Hoạt động hệ thống Kiểm soát nội bộ Công ty có vai trò tích cực trong việc hỗ trợ cho Ban điều hành tiến hành kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chứng khoán cũng như các quy định nội bộ Công ty nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty. Cụ thể hệ thống Kiểm soát nội bộ đã đảm bảo:

- Kiểm soát việc tuân thủ quy trình nghiệp vụ của các bộ phận kinh doanh.
- Kiểm toán nội bộ báo cáo tài chính.
- Giám sát tỷ lệ vốn khả dụng và các tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định.
- Quản lý tách biệt tài sản chứng khoán, tiền gửi của khách hàng với Công ty.
- Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng.
- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo và chế độ công bố thông tin.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

Mục tiêu: tối đa hóa giá trị cổ đông, sự hài lòng của khách hàng, niềm tự hào của nhân viên và đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng.

Chiến lược phát triển: Tập trung vào hai nhiệm vụ trọng tâm là củng cố và phát triển. Hoạt động kinh doanh chính của Rồng Việt dựa vào 3 trụ cột chính: Môi giới – Ngân hàng Đầu tư – Đầu tư tài chính. Nghiên cứu khả năng mua lại, sáp nhập hoặc thành lập mới công ty quản lý quỹ nhằm tiếp cận và cung cấp dịch vụ quản lý quỹ-quản lý danh mục đầu tư. Chiến lược phát triển chia thành 02 giai đoạn:

Giai đoạn 1 (2010 – 2012): Mục tiêu đến năm 2012 là thuộc nhóm 10 công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam

- Về vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu: Đến 2012, vốn điều lệ đạt tối thiểu là 1.000 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu đạt mức tối thiểu là 1.500 tỷ đồng.
- Về hiệu quả sinh lời: Đảm bảo duy trì mức lợi nhuận ròng/vốn chủ sở hữu ở mức từ 15 – 20% và cổ tức tối thiểu ở mức 15%.
- Về mạng lưới hoạt động: Đến 2012, mạng lưới hoạt động bao gồm: 01 Hội sở chính, các Chi nhánh ở Tp.HCM (từ 4-5 Chi nhánh), Hà Nội (2-3 Chi nhánh), Hải Phòng, Đà Nẵng, Nha Trang, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Dương, Vũng Tàu, Cần Thơ, An Giang, Long An...
- Về sản phẩm dịch vụ: Cung cấp đầy đủ các sản phẩm và dịch vụ tài chính đồng bộ, đa dạng và có tính cạnh tranh cao nhằm thỏa mãn một cách tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
- Về số lượng tài khoản khách hàng: Đến năm 2012, đạt tối thiểu 120.000 tài khoản.

Giai đoạn 2 (2013 – 2015): Mục tiêu đến năm 2015 là thuộc nhóm 05 công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam

- Về vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu: Đến 2015, vốn điều lệ đạt tối thiểu là 2.000 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu đạt tối thiểu 3.500 tỷ đồng.
- Về hiệu quả sinh lời: Đảm bảo duy trì mức lợi nhuận ròng/vốn chủ sở hữu ở mức từ 20-25% và cổ tức tối thiểu ở mức 15%.



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2010

Với tình hình kinh tế, thị trường tài chính diễn biến bất thường gây nhiều khó khăn cho hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ kịp thời cho Ban điều hành thông qua việc ban hành các nghị quyết liên quan đến hoạt động kinh doanh, tổ chức bộ máy và các vấn đề quan trọng khác trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, phù hợp với các quy chế, quy định hiện hành của Công ty và pháp luật.

Trong kỳ, Hội đồng quản trị đã có 09 phiên họp và 07 lần thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản quyết định các nội dung quan trọng sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐQT	19/01/2010	- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2009 và kế hoạch kinh doanh 2010; - Thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng; - Thông qua chủ trương niêm yết cổ phiếu tại HNX; - Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ; - Chính sửa Quy chế tổ chức hoạt động, Quy chế lương của Công ty; - Kế hoạch triển khai hệ thống CORE chứng khoán;
2	Nghị quyết số 02/2010/NQ-HĐQT	01/02/2010	- Thông qua kế hoạch kinh doanh Công ty năm 2010; - Thông qua nội dung chỉnh sửa Điều lệ trình ĐHĐCĐ; - Thông qua việc từ nhiệm thành viên BKS; - Thảo luận mức thù lao HĐQT, BKS trình ĐHĐCĐ. - Thông qua danh sách Công ty kiểm toán trình ĐHĐCĐ; - Thông qua nội dung các tờ trình tại ĐHĐCĐ thường niên 2009;
3	Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐQT	30/03/2010	- Thông qua báo cáo hoạt động kinh doanh Quý I/2010; - Thông qua kế hoạch vay vốn và hợp tác đầu tư; - Bổ nhiệm nhân sự; - Thảo luận về việc thay đổi nhận diện thương hiệu Công ty;
4	Nghị quyết số 04/2010/NQ-HĐQT	15/04/2010	- Thông qua việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng;
5	Nghị quyết số 05/2010/NQ-HĐQT	15/04/2010	- Bổ sung mục đích sử dụng danh sách cổ đông Rổng Việt chốt ngày 15/4/2010;
6	Nghị quyết số 06/2010/NQ-HĐQT	17/04/2010	- Thông qua việc ký kết hợp đồng ủy thác đầu tư với VDFM;
7	Nghị quyết số 07/2010/NQ-HĐQT	26/04/2010	- Thông qua nội dung và kế hoạch xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc chỉnh sửa điều lệ Công ty;
8	Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐQT	06/05/2010	- Thông qua việc hủy niêm yết cổ phiếu VDS trên sàn UPCOM và đăng ký niêm yết tại HNX;
9	Nghị quyết số 11/2010/NQ-HĐQT	11/06/2010	- Thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông và kế hoạch niêm yết bổ sung;
10	Nghị quyết số 12/2010/NQ-HĐQT	11/06/2010	- Lựa chọn đơn vị kiểm toán;
11	Nghị quyết số 13/2010/NQ-HĐQT	23/06/2010	- Thông qua việc thay đổi Logo nhận diện thương hiệu mới của Công ty;
12	Nghị quyết số 14/2010/NQ-HĐQT	30/06/2010	- Thông qua báo cáo hoạt động 6 tháng đầu năm 2010; - Thông qua báo cáo tiến độ triển khai Dự án Core chứng khoán; - Thảo luận về kế hoạch tăng vốn Điều lệ Công ty; - Thù lao HĐQT, BKS năm 2010;
13	Nghị quyết số 15/2010/NQ-HĐQT	16/08/2010	- Thông qua việc chỉnh sửa Khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty về mức Vốn điều lệ ;
14	Nghị quyết số 16/2010/NQ-HĐQT	30/08/2010	- Thông qua báo cáo hoạt động kinh doanh 8 tháng đầu năm 2010; - Thông qua báo cáo tiến độ triển khai dự án CORE chứng khoán của Công ty;
15	Nghị quyết số 17/2010/NQ-HĐQT	13/10/2010	- Thông qua báo cáo hoạt động kinh doanh Quý 3 và kế hoạch kinh doanh Quý 4 năm 2010; - Thông qua báo cáo tiến độ triển khai dự án Core chứng khoán;
16	Nghị quyết số 18/2010/NQ-HĐQT	12/11/2010	- Thông qua việc hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng;
17	Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐQT	23/11/2010	- Thông qua báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2010 và định hướng kế hoạch hoạt động năm 2011; - Thông qua báo cáo tiến độ triển khai dự án Core chứng khoán; - Một số nội dung liên quan đến tình hình hoạt động Công ty;



Ngoài ra, tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị đều xem xét, thảo luận và quyết định việc triển khai các nội dung kinh doanh theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty đạt hiệu quả và đúng pháp luật, đồng thời Hội đồng quản trị cũng luôn theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Hội đồng quản trị chưa lập các tiểu bản.

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2010

Trong năm 2010, với nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt tham gia giám sát và đề xuất các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty, cụ thể như sau :

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 và kế hoạch kinh doanh năm 2011;

Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010;

Xem xét tính minh bạch và kịp thời của quá trình công bố thông tin nhằm đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư và cổ đông.

Giám sát việc thực hiện đúng các Quy chế, quy định của Công ty.

Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

Rồng Việt tiếp tục hoàn thiện các nội dung về quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch

Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán (được ban hành kèm theo Quyết định số 12 ngày 13/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Nâng cao vai trò của Bộ phận kiểm soát nội bộ nhằm mục đích giúp Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc quản trị hiệu quả việc thực hiện các Điều lệ Công ty, các Quy chế, Chính sách, Nội quy, Quy định của Công ty, đồng thời phát hiện và dự báo những rủi ro kinh doanh trong bộ phận môi giới, dịch vụ chứng khoán và các rủi ro liên quan đến các mảng hoạt động khác của Công ty.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc thường xuyên triển khai mục tiêu, chiến lược từ lãnh đạo đến từng nhân viên, từng bộ phận chức năng trong Công ty để tất cả cán bộ công nhân viên đều thấu hiểu và thực thi chiến lược mục tiêu Công ty.

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của công ty

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2010: 420 triệu đồng.

Trong đó:

- Hội đồng quản trị: 346,6 triệu đồng
- Ban kiểm soát: 73,4 triệu đồng.

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TỶ LỆ NẤM GIỮ CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

STT	Họ và tên/ Tên giao dịch đối với tổ chức	Số Giấy CMND/ĐKKD	Số lượng CP sở hữu tại thời điểm 31/12/2009		Số lượng, tỷ lệ sở hữu tại ngày 21/2/2011 (*)	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	Ông Nguyễn Thành Long - Chủ tịch HĐQT	020151843	5.970.000	18,09%	3.800.000	10,86%
	Đại diện sở hữu cho NHTM CP XNK Việt Nam (EXIMBANK)	0301179079	5.970.000	18,09%	3.800.000	10,86%
2	Ông Phạm Hữu Phú - Phó chủ tịch HĐQT	022439658	0	0%	0	0%
3	Ông Nguyễn Miên Tuấn - Thành viên HĐQT	260799742	785.000	2,38%	567.100	1,62%
	Sở hữu cá nhân		785.000	2,38%	567.100	1,62%
4	Ông Nguyễn Anh Tùng - Thành viên HĐQT	022442219	2.430.000	7,36%	2.575.800	7,36%
	Đại diện sở hữu cho Tổng công ty TMSG (Satra)	0300100037	2.430.000	7,36%	2.575.800	7,36%
5	Ông Nguyễn Vạn Lý - Thành viên HĐQT	020399006	500.000	1,52%	530.000	1,52%
	Sở hữu cá nhân		500.000	1,52%	530.000	1,52%
6	Ông Nguyễn Thúc Vinh - Thành viên HĐQT	022823356	800.500	2,43%	802.330	2,29%
	Sở hữu cá nhân		30.000	0,09%	31.800	0,09%
	Đại diện sở hữu cho Quỹ đầu tư chứng khoán tăng trưởng Việt Long	103/TB-UBCK	770.500	2,33%	770.530	2,20%
Tổng cộng			10.485.500	31,77%	8.275.230	23,66%
II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT						
1	Ông Tôn Thất Diên Khoa - Trưởng Ban Kiểm soát	024838600	0	0	5.300	0,02%
	Sở hữu cá nhân		0	0	5.300	0,02%
2	Ông Nguyễn Văn Minh - Thành viên Ban Kiểm soát	214966531	0	0	0	0
3	Ông Đào Công Thắng - Thành viên Ban kiểm soát	022975304	4.500	0,01%	4.770	0,01%
	Sở hữu cá nhân		4500	0,01%	4.770	0,01%
Tổng cộng			4.500	0,01%	10.070	0,03%
III THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC						
1	Ông Nguyễn Miên Tuấn - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	260799742	785.000	2,38%	567.100	1,62%
	Sở hữu cá nhân		785.000	2,38%	567.100	1,62%
2	Ông Nguyễn Hiếu - Phó Tổng Giám đốc	024424031	32.000	0,10%	33.920	0,10%
	Sở hữu cá nhân		32.000	0,10%	33.920	0,10%
3	Ông Võ Duy Đạo - Phó Tổng Giám đốc	022681883	15.000	0,05%	15.900	0,05%
	Sở hữu cá nhân		15.000	0,05%	15.900	0,05%
4	Ông Nguyễn Minh Nhựt - Phó Tổng Giám đốc	024728372	5.000	0,02%	5.300	0,02%
	Sở hữu cá nhân		5.000	0,02%	5.300	0,02%
5	Ông Nguyễn Hữu Tú - Phó Tổng Giám đốc	141824363	55.000	0,17%	58.300	0,17%
	Sở hữu cá nhân		55.000	0,17%	58.300	0,17%
Tổng cộng			892.000	2,70%	680.520	1,95%
IV KẾ TOÁN TRƯỞNG						
1	Ông Lê Minh Hiền - Kế Toán trưởng	024860484	45.000	0,14%	47.700	0,14%
	Sở hữu cá nhân		45000	0,14%	47.700	0,14%
Tổng cộng			45.000	0,14%	47.700	0,14%

Ghi chú:

(*) Ngày đăng ký cuối cùng tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2010.

(5) Tính trên vốn điều lệ 330.000.000.000 đồng.

(7) Tính trên vốn điều lệ 349.799.870.000 đồng.

Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng và những người liên quan

Thông tin về giao dịch cổ phiếu của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, cổ đông lớn và người có liên quan của họ được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Người liên quan	SLSH trước khi giao dịch	Thực hiện			Ngày thực hiện/kết thúc giao dịch	SLSH sau GD	Tỷ lệ sở hữu sau GD (%)
					Mua	Bán	Khác			
1	Ông Nguyễn Miên Tuấn	TVHĐQT/TGD		785.000		250.000		31/03/2010	535.000	1,62%
2	CTCP Đầu tư Tài chính Sài Gòn Á Châu	CĐL		5.180.000		4.000.000		13/04/2010	1.180.000	3,58%
3	Ông Tôn Thất Diên Khoa	Trưởng BKS		-	5.000			10/06/2010-1/7/2010	5.000	0,02%
4	Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Việt Long	NLQ	Nguyễn Thúc Vinh TVHĐQT	816.730		46.200		08/12/2010-06/02/2011	770.530	2,20%
5	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	NLQ	Nguyễn Thành Long Chủ tịch HĐQT	6.328.200		310.300		10/12/2010-10/02/2011	6.017.900	17,20%
6	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	NLQ	Nguyễn Thành Long Chủ tịch HĐQT	6.017.900		2.217.900		15/02/2011	3.800.000	10,86%
7	CTCP Đầu tư Tài chính Sài Gòn Á Châu	CĐL		1.250.800	2.217.900			13/02/2011	3.468.700	9,92%
8	Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Việt Long	NLQ	Nguyễn Thúc Vinh TVHĐQT	770.530		353.800		Đang giao dịch bán: từ 16/02/2011-14/4/2011		



THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 21/02/2011 (ngày đăng ký cuối cùng tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010).

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	34.896.481	99,76%
	- Pháp nhân	13.750.618	39,31%
	- Cá nhân	21.145.863	60,45%
2	Cổ đông nước ngoài	83.506	0,24%
	- Pháp nhân	0	0,00%
	- Cá nhân	83.506	0,24%
	Tổng cộng	34.979.987	100%

THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Họ và tên/ tên giao dịch đối với tổ chức	Số Giấy CMND/ số giấy ĐKKD	Địa chỉ thường trú/ địa chỉ trụ sở chính	Số lượng CP sở hữu tại thời điểm 31/12/2009		Số lượng, tỷ lệ sở hữu tại ngày 21/2/2011 (*)	
				Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam	0301179079	Số 7, Lê Thị Hồng Gấm, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM	5.970.000	18,09	3.800.000	10,86
2	CTCP Đầu tư Tài chính Sài Gòn Á Châu	0303889980	141 Nguyễn Du, Quận 1	5.180.000	15,70	3.468.700	9,92
3	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	0300100037	275B Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM	2.430.000	7,36	2.575.800	7,36
4	CTCP Cung ứng Tàu biển Sài Gòn	4103004388	2A Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Quận 1	2.430.750	7,37	2.576.595	7,37
	Tổng Cộng			16.010.750	48,52	12.421.095	35,51

Ghi chú:
 (*) Ngày đăng ký cuối cùng tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2010.
 (6) tính trên vốn điều lệ 330.000.000.000 đồng.
 (8) tính trên vốn điều lệ 349.799.870.000 đồng.

CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

STT	Họ và tên/ tên giao dịch đối với tổ chức	Số Giấy CMND/ ĐKKD	Địa chỉ thường trú/ địa chỉ trụ sở chính	Số lượng CP sở hữu tại thời điểm 31/12/2009		Số lượng, tỷ lệ sở hữu tại ngày 21/2/2011 (*)	
				Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam	0301179079	Số 7, Lê Thị Hồng Gấm, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM	5.970.000	18,09	3.800.000	10,86
2	CTCP Đầu tư Tài chính Sài Gòn Á Châu	0303889980	141 Nguyễn Du, Quận 1	5.180.000	15,70	3.468.700	9,92
3	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	0300100037	275B Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM	2.430.000	7,36	2.575.800	7,36
4	Ông Nguyễn Miên Tuấn	260799742	308/9 Hoàng Văn Thụ, P.4, Q. Tân Bình, TP.HCM	785.000	2,38	567.100	1,62
5	Ông Nguyễn Vạn Lý	020399006	20/C76 Đường 3/2, P.12, Q.10, TP.HCM	500.000	1,52	530.000	1,52
Tổng Cộng				14.865.000	45,05	10.941.600	31,28

Ghi chú:

(*) Ngày đăng ký cuối cùng tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2010.

(6) Tính trên vốn điều lệ 330.000.000.000 đồng.

(8) Tính trên vốn điều lệ 349.799.870.000 đồng.

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Tổ chức nắm giữ trên 50% vốn cổ phần tại công ty: không có.
2. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức: không có.
3. Tình hình đầu tư vào công ty có liên quan: không có.



Quan hệ nhà đầu tư (IR)

Tại Rong Việt, quan hệ nhà đầu tư được chúng tôi đánh giá là công tác quan trọng trong việc truyền thông và chăm sóc nhà đầu tư. Rong Việt cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin quan trọng và cần thiết liên quan đến các hoạt động và dịch vụ của công ty.

Nhà đầu tư có thể xem trực tuyến và tải các báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, thông tin cổ đông và những thông tin liên quan tại trang web www.vdsc.com.vn. Ngoài ra, nhà đầu tư còn có thể liên hệ với Rong Việt qua số điện thoại: **+84 8 38270 860** hoặc email: ir@vdsc.com.vn.

Trách nhiệm với xã hội

Rồng Việt luôn ý thức trách nhiệm là thành viên và mong muốn đóng góp vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.



Đào tạo nhân viên

Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hằng năm nhằm nâng cao trình độ đội ngũ nhân sự, thông qua việc đào tạo tại chỗ và đào tạo chuyên sâu với các nội dung: đào tạo lại và bồi dưỡng kỹ năng quản lý và nghiệp vụ chuyên môn, đáp ứng tiêu chuẩn cán bộ, công nhân viên đối với từng chức danh.

Tổ chức đào tạo và tham quan thực tế cho sinh viên các trường đại học:

Rồng Việt thường xuyên tổ chức hội thảo giới thiệu về thị trường chứng khoán cho sinh viên các chuyên ngành kinh tế, tài chính, chứng khoán của nhiều trường đại học trên toàn quốc. Trong năm 2010, Rồng Việt hân hạnh tiếp đón đoàn sinh viên từ học viện Ngee An –Singapore đến tham quan và tìm hiểu về thị trường chứng khoán cũng như cơ hội đầu tư tại Việt Nam.



Chung tay cùng đồng bào miền Trung

Cảm thông với nỗi đau mất mát tài sản và những khó khăn do thiên tai gây ra cho đồng bào miền Trung, toàn thể cán bộ nhân viên Rồng Việt đã đóng góp số tiền mặt 13,03 triệu đồng và nhiều hiện vật khác gửi đến miền Trung.

Mang niềm vui tết cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Nằm trong các hoạt động truyền thống hàng năm, ngày 22/1/2011, cán bộ nhân viên Rồng Việt đã đến thăm Trung tâm nuôi dưỡng bảo trợ trẻ em Tam Bình tại Quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh. Đoàn Rồng Việt đã thăm hỏi sức khỏe của các cán bộ nhân viên trung tâm, trò chuyện, tặng quà cho các em và đóng góp vào Quỹ của Trung tâm tổng số tiền mặt 34,5 triệu đồng. Rồng Việt mong muốn hoạt động này sẽ mang đến thêm niềm vui cho các em có hoàn cảnh đặc biệt trong những tết nguyên đán.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt (“Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty

Công ty là một công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy Phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Theo Giấy Phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Vào ngày 15 tháng 8 năm 2007, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Giấy phép điều chỉnh số 32/UBCK-GP chấp thuận cho Công ty tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 VND.

Ngày 8 tháng 8 năm 2008, Công ty đã nhận được Giấy phép điều chỉnh số 147/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty tăng vốn điều lệ lên 330.000.000.000 VND.

Ngày 20 tháng 8 năm 2010, Công ty đã nhận được Giấy phép điều chỉnh số 347/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty tăng vốn điều lệ lên 349.799.870.000 VND.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, và lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép điều chỉnh số 312/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 11 tháng 3 năm 2010 và có các chi nhánh tại Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Nha Trang và Cần Thơ.

Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	20.938.620.170	66.622.074.436
Lợi nhuận/(lỗ) lũy kế vào cuối năm	2.081.392.553	(18.857.227.617)

Công ty đã không công bố và chi trả cổ tức trong năm nay và năm trước cho đến ngày lập các báo cáo tài chính này.

Các sự kiện trong năm

Vào ngày 11 tháng 3 năm 2010, Công ty đã nhận được Giấy phép điều chỉnh số 312/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận Công ty được chuyển đến Tòa nhà Viet Dragon số 141 Nguyễn Du, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 266/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 5 năm 2010 và bắt đầu giao dịch từ ngày 25 tháng 5 năm 2010.

Ngày 20 tháng 8 năm 2010, Công ty đã nhận được Giấy phép điều chỉnh số 347/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty tăng vốn điều lệ lên 349.799.870.000 VND.

Vào ngày 20 tháng 8 năm 2010, Công ty đã nhận được Công văn 760/TB-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm từ đợt tăng vốn điều lệ bằng nguồn thặng dư vốn cổ phần trong năm. Số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung là 1.979.987 cổ phiếu.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2006
Ông Phạm Hữu Phú	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2006
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2006
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2006
Ông Nguyễn Vạn Lý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2006
Ông Nguyễn Thúc Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2008

Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tôn Thất Diên Khoa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2006
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 3 năm 2010
Ông Đào Công Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 3 năm 2010

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày phát hành các báo cáo tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Kiểm toán viên, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của ban tổng giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được qui định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Ông Nguyễn Thành Long
Chủ tịch

Ông Nguyễn Miên Tuấn
Thành viên
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 10 tháng 2 năm 2011

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng Khoán Rồng Việt

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính") được trình bày từ trang 5 đến trang 37. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ernst & Young Vietnam Ltd.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Võ Tấn Hoàng Văn

Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký

Số đăng ký: 0264/KTV
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 10 tháng 2 năm 2011

Nguyễn Xuân Đại

Nguyễn Xuân Đại
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký

Số đăng ký: 0452/KTV

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		961.003.143.409	744.770.935.073
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	224.840.236.892	362.276.642.630
111	1. Tiền		194.840.236.892	362.276.642.630
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		263.570.606.120	182.054.620.271
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6.1	285.666.438.543	192.531.728.629
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	7	(22.095.832.423)	(10.477.108.358)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	8	469.722.751.963	198.092.509.426
131	1. Phải thu của khách hàng		62.500.000	135.000.000
132	2. Trả trước cho người bán		4.190.937.000	1.037.718.524
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		463.785.877.802	194.085.838.029
138	5. Các khoản phải thu khác		3.661.645.639	2.833.952.873
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.978.208.478)	-
140	IV. Hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.869.548.434	2.347.162.746
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.924.849.188	1.120.449.199
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		944.699.246	1.226.713.547
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		121.155.230.812	181.594.849.295
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Vốn kinh doanh của đơn vị trực thuộc		-	-
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ		-	-
218	4. Phải thu dài hạn khác		-	-
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

B01-CTCK

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
220	I. Tài sản cố định	9	20.750.237.721	7.213.749.151
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9.1	10.045.642.671	6.082.013.128
222	Nguyên giá		21.958.379.714	13.493.265.478
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.912.737.043)	(7.411.252.350)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	Nguyên giá		-	-
226	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	9.2	1.175.132.676	802.064.023
228	Nguyên giá		2.006.243.536	1.291.472.269
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(831.110.860)	(489.408.246)
230	4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	9.4	9.529.462.374	329.672.000
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
241	Nguyên giá		-	-
242	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		81.879.094.150	157.392.802.200
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	6.1	-	132.850.784.700
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán		-	132.850.784.700
	Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
258	4. Đầu tư dài hạn khác		85.582.294.150	43.120.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	7	(3.703.200.000)	(18.577.982.500)
260	V. Tài sản dài hạn khác		18.525.898.941	16.988.297.944
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	3.670.329.193	214.612.295
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	21.3	6.384.932.543	12.378.861.347
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	3.547.518.159	1.574.690.920
268	4. Tài sản dài hạn khác	12	4.923.119.046	2.820.133.382
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.082.158.374.221	926.365.784.368

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		692.486.665.118	557.632.695.435
310	I. Nợ ngắn hạn		691.566.860.118	557.100.383.435
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	521.243.128.849	250.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		226.464.844	401.645.111
313	3. Người mua trả tiền trước		873.000.000	555.387.500
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.783.634.207	194.466.374
315	5. Phải trả công nhân viên		241.000.024	571.410.251
316	6. Chi phí phải trả	15	6.531.182.134	3.775.224.647
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
320	8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	65.623.068.557	176.810.820.998
321	9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		3.280.716.996	1.121.069.869
322	10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		-	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-
327	12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
328	13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	91.764.664.507	123.670.358.685
329	14. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	II. Nợ dài hạn		919.805.000	532.312.000
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn		-	-
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
337	7. Dự phòng trợ cấp thôi việc		919.805.000	532.312.000
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
339	8. Dự phòng bồi thường thiệt hại nhà đầu tư		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

B01-CTCK

				VNĐ
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		389.671.709.103	368.733.088.933
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	389.671.709.103	368.733.088.933
411	1. Vốn cổ phần	18	349.799.870.000	330.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		33.476.130.000	53.276.000.000
413	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		2.157.158.275	2.157.158.275
414	4. Cổ phiếu quỹ		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.157.158.275	2.157.158.275
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận chưa phân phối/ (lỗ lũy kế)		2.081.392.553	(18.857.227.617)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.082.158.374.221	926.365.784.368

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

				VNĐ
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số đầu dư năm
006	1. Chứng khoán lưu ký		2.989.344.440.000	1.912.806.430.000
007	1.1. Chứng khoán giao dịch		2.656.205.570.000	1.477.014.330.000
012	1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		174.787.810.000	97.327.620.000
017	1.3. Chứng khoán cầm cố		124.343.580.000	153.170.800.000
022	1.4. Chứng khoán tạm giữ (phong tỏa của Công ty đối với khách hàng)		-	110.170.180.000
027	1.5. Chứng khoán chờ thanh toán		34.007.480.000	75.123.500.000
050	2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		91.115.740.000	105.953.590.000
051	2.1. Chứng khoán giao dịch		87.663.790.000	105.953.590.000
056	2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		2.291.320.000	-
071	2.3. Chứng khoán chờ thanh toán		993.400.000	-
076	2.4. Chứng khoán chờ giao dịch		167.230.000	-
083	3. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		102.887.940.000	68.999.140.000

Ông Lê Minh Hiền

Kế toán Trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 2 năm 2011



Ông Nguyễn Miên Tuấn

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

B02-CTCK

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu (Trong đó):		198.624.156.247	146.830.072.511
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		36.168.366.329	43.057.648.343
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		92.296.235.873	87.909.229.308
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		3.934.211.500	-
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	54.823.315
01.5	Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư		52.889.496.851	10.673.496.286
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		-	-
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		-	-
01.8	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		-	-
01.9	Doanh thu khác		13.335.845.694	5.134.875.259
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần		198.624.156.247	146.830.072.511
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	19	(115.398.124.106)	(67.453.424.086)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		83.226.032.141	79.376.648.425
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(57.724.698.959)	(26.388.963.283)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.501.333.182	52.987.685.142
31	8. Thu nhập khác		1.858.582.170	1.320.862.788
32	9. Chi phí khác		(427.366.378)	(36.221.380)
40	10. Lợi nhuận khác		1.431.215.792	1.284.641.408
50	11. Tổng lợi nhuận trước thuế		26.932.548.974	54.272.326.550
51	13. Thuế TNDN hiện hành	21	-	-
52	14. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	21	(5.993.928.804)	12.349.747.886
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		20.938.620.170	66.622.074.436
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	599	1.905

(*) Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu của năm trước được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc chia cổ phiếu thưởng trong năm nay - xem Thuyết minh số 22.


Ông Lê Minh Hiền
 Kế toán Trưởng
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 10 tháng 2 năm 2011




Ông Nguyễn Miên Tuấn
 Tổng Giám đốc

				VNĐ
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		26.932.548.974	54.272.326.550
02	Khấu hao TSCĐ và phân bổ	9,10	5.786.847.967	4.093.780.694
03	Các khoản dự phòng	19	74.166.817.053	69.145.122.439
03	Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	19	(75.444.667.010)	(98.809.306.070)
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện.		-	-
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(35.801.058.620)	11.405.243.688
06	Chi phí lãi vay		42.841.828.479	6.889.767.796
8	Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		38.482.316.843	46.585.943.634
09	Tăng các khoản phải thu		(277.402.249.617)	(193.466.985.947)
10	Giảm/(tăng) chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn		70.204.074.786	(170.122.772.983)
11	Tăng các khoản phải trả		2.639.568.996	11.103.327.317
12	Tăng các khoản chi phí trả trước		(5.203.777.547)	(108.060.875)
13	Lãi vay đã trả		(40.884.286.255)	(6.456.976.131)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả		-	-
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(226.869.133)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(212.164.352.794)	(312.281.402.655)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền mua sắm tài sản cố định		(18.379.675.877)	(1.642.664.427)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các công ty khác		-	-
27	Tiền đầu tư vào các đơn vị khác		(203.046.388.200)	(6.414.615.036)
28	Thu hồi vốn từ các khoản đầu tư		157.376.957.600	118.251.483.000
29	Thu lãi đầu tư		8.520.195.070	9.476.135.224
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(55.528.911.407)	119.670.338.761

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu góp vốn đăng ký mua cổ phần		-	-
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	Tiền vay ngắn hạn		1.012.376.356.838	462.007.140.850
34	Trả tiền vay ngắn hạn		(741.133.227.989)	(222.007.140.850)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	Trả tiền cổ tức		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		271.243.128.849	240.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.549.864.648	47.388.936.106
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	4	71.979.390.396	24.590.454.290
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	4	75.529.255.044	71.979.390.396


Ông Lê Minh Hiền

Kế toán Trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 2 năm 2011

**Ông Nguyễn Miên Tuấn**

Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty là một công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy Phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Theo Giấy Phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Vào ngày 15 tháng 8 năm 2007, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Giấy phép điều chỉnh số 32/UBCK-GP chấp thuận cho Công ty tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng.

Ngày 8 tháng 8 năm 2008, Công ty đã nhận được Giấy phép điều chỉnh số 147/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty tăng vốn điều lệ lên 330.000.000.000 đồng.

Ngày 20 tháng 8 năm 2010, Công ty đã nhận được Giấy phép điều chỉnh số 347/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty tăng vốn điều lệ lên 349.799.870.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, và lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép điều chỉnh số 312/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 11 tháng 3 năm 2010 và có các chi nhánh tại Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Nha Trang và Cần Thơ.

Tổng số nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 272 người (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 172 người).

Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Miên Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2006
Ông Nguyễn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 1 năm 2007
Ông Võ Duy Đạo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2009
Ông Nguyễn Minh Nhựt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2009
Ông Nguyễn Hữu Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2009

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") được lập phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY *(tiếp theo)*

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng *(tiếp theo)*

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và ngoài ra không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán

Ban Tổng Giám Đốc khẳng định các báo cáo tài chính đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và hệ thống kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán.

3.2 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các năm trước ngoại trừ việc trình bày quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu theo hướng dẫn tại Thông tư 244/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009. Theo đó, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trình bày như khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán. Do Thông tư số 244/2009/TT-BTC không yêu cầu áp dụng hồi tố, đồng thời, theo hướng dẫn của Thông tư số 20/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán số 29 - "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót", việc thay đổi chính sách kế toán do áp dụng lần đầu các quy định của pháp luật hoặc chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán không yêu cầu việc điều chỉnh hồi tố nên số liệu đầu kỳ trên các báo cáo tài chính kèm theo không được trình bày lại để phản ánh những thay đổi nói trên.

Các hướng dẫn kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam:

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong kỳ. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Trên ba (3) năm	100%

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm tin học	3 - 4 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	5 năm
Chi phí phát triển trang web	5 năm

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn thuê của hợp đồng.

- Chi phí cải tạo văn phòng
- Chi phí thuê văn phòng
- Chi phí vật dụng văn phòng

3.10 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thông tư số 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh ("chứng khoán thương mại"). Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Đầu tư tài chính ngắn hạn được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán".

Đầu tư chứng khoán dài hạn

Đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các khoản đầu tư với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán phi phái sinh hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có thời gian đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá mua vào ngày mua và sau đó được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư trong các kỳ kế toán tiếp theo.



3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn (tiếp theo)

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư dài hạn khác ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư chứng khoán thương mại, đầu tư chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn hoặc chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá mua vào ngày mua và sau đó được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư trong các kỳ kế toán tiếp theo.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định là trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) và cũng chưa được giao dịch phổ biến trên thị trường, dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Lợi ích của nhân viên

3.12.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 16% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu do sắp xếp lại lao động được hưởng trợ cấp một tháng lương cơ bản cho một năm (mười hai tháng) công tác và một nửa tháng lương cơ bản cho mỗi tháng nghỉ hưu trước tuổi (tối đa bằng 30 tháng), hạch toán vào quỹ trợ cấp mất việc làm của Công ty. Ngoài ra người lao động được trợ cấp 3 tháng lương bằng mức lương hiện hữu (lấy từ lương dự phòng).

3.12.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: Theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

3.12.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp mất việc: Theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc mức trích lập tối thiểu cho người lao động bằng hai tháng lương. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong kỳ.

3.12.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Quyết định 27/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2007 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo điều lệ Công ty.

Việc trích lập các quỹ chỉ thực hiện hàng năm dựa trên số liệu trên báo cáo tài chính năm đó được kiểm toán.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.



3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp theo)

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.16 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu dài hạn bán ra.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Tiền mặt	544.487.610	58.299.871
Tiền gửi ngân hàng	192.207.155.114	340.587.448.654
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	2.088.594.168	21.630.894.105
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	224.840.236.892	362.276.642.630

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng sau:

	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Số dư VNĐ
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1 tuần	11,50	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	1 tháng	15,00	20.000.000.000
TỔNG CỘNG			30.000.000.000

Nhằm mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản sau:

	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Tiền mặt	544.487.610	58.299.871
Tiền gửi ngân hàng	192.207.155.114	340.587.448.654
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	2.088.594.168	21.630.894.105
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	-
	224.840.236.892	362.276.642.630
Trừ:		
Tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 16)	(57.628.691.000)	(166.606.176.500)
Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 17)	(91.556.578.998)	(123.577.512.634)
Cổ tức của nhà đầu tư	(125.711.850)	(113.563.100)
	(149.310.981.848)	(290.297.252.234)
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	75.529.255.044	71.979.390.396

5. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
	Đơn vị: cổ phiếu	VNĐ
Của Công ty chứng khoán	66.221.165	1.326.114.305.754
Cổ phiếu	66.183.367	1.322.334.505.754
Chứng khoán khác	37.798	3.779.800.000
Của nhà đầu tư	687.525.230	19.519.601.721.700
Cổ phiếu	680.475.230	18.836.051.521.700
Trái phiếu	7.050.000	683.550.200.000
Chứng khoán khác	-	-
TỔNG CỘNG	753.746.395	20.845.716.027.454

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

6.1 Tình hình tăng giảm và hiện có về đầu tư chứng khoán

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm
				VNĐ
Chứng khoán thương mại (Thuyết minh số 6.2)	192.531.728.629	647.618.366.499	554.483.656.585	285.666.438.543
Chứng khoán đầu tư	175.970.784.700	219.100.388.200	309.488.878.750	85.582.294.150
Chứng khoán sẵn sàng để bán	132.850.784.700	2.042.000.000	134.892.784.700	-
Đầu tư dài hạn khác	43.120.000.000	217.058.388.200	174.596.094.050	85.582.294.150
TỔNG CỘNG	368.502.513.329	866.718.754.699	863.972.535.335	371.248.732.693

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

6.2 Chứng khoán thương mại

	Số lượng cổ phần	Giá trị ghi số	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	Ghi chú VNĐ
			Tăng	Giảm		
Cổ phiếu niêm yết						
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bầy (NBB)	418.673	35.366.669.404	1.476.554.596	-	36.843.224.000	(*)
Công ty Cổ phần SXKD XNK DV và Đầu tư Tân Bình - Tanimex (TIX)	500.416	29.893.465.835	-	(6.874.329.835)	23.019.136.000	(*)
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (KSB)	410.130	29.108.405.837	-	(3.680.345.837)	25.428.060.000	(*)
Công ty Cổ phần Cơ giới Lắp máy và Xây dựng (VMC)	487.700	28.468.727.970	110.492.030	-	28.579.220.000	(*)
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (VNA)	703.720	14.576.160.246	-	(3.949.988.246)	10.626.172.000	(*)
Công ty Cổ phần MT Gas (MTG)	734.290	10.063.605.029	-	(3.308.137.029)	6.755.468.000	(*)
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVX)	348.045	7.627.446.004	64.348.496	-	7.691.794.500	
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (LSS)	208.480	7.302.736.861	98.303.139	-	7.401.040.000	
Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp Vận chuyển (GMD)	145.022	5.176.299.600	-	(361.569.200)	4.814.730.400	
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nhà Intresco (ITC)	150.009	3.869.015.013	-	(148.791.813)	3.720.223.200	
Quý Đầu tư Năng động Việt Nam (VFA)	200.000	2.030.000.000	-	(170.000.000)	1.860.000.000	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (SC5)	24.121	1.381.328.963	-	(452.670.463)	928.658.500	
Các công ty khác	7.014	182.117.481	-	-	182.117.481	
	4.337.620	175.045.978.243	1.749.698.261	(18.945.832.423)	157.849.844.081	
Chứng khoán chưa niêm yết						
	4.128.794	110.620.460.300	-	(3.150.000.000)	107.470.460.300	
TỔNG CỘNG	8.466.414	285.666.438.543	1.749.698.261	(22.095.832.423)	265.320.304.381	

(*) Các cổ phiếu này đã được đem đi thế chấp để đảm bảo cho các vay với Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Sài Gòn (Thuyết minh số 13).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Chứng khoán thương mại		
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	18.945.832.423	10.477.108.358
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	3.150.000.000	-
Chứng khoán đầu tư		
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	-	-
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	3.703.200.000	18.577.982.500
TỔNG CỘNG	25.799.032.423	29.055.090.858

Tình hình thay đổi dự phòng giảm giá chứng khoán trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	29.055.090.858	58.719.274.489
Tăng trong năm (Thuyết minh số 19)	72.188.608.575	69.145.122.439
Hoàn nhập trong năm (Thuyết minh số 19)	(75.444.667.010)	(98.809.306.070)
Số cuối năm	25.799.032.423	29.055.090.858

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số dư đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm		Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	
1. Phải thu của khách hàng	135.000.000	-	5.336.892.900	5.409.392.900	62.500.000	-	-
2. Ứng trước cho người bán	1.037.718.524	-	4.190.937.000	1.037.718.524	4.190.937.000	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	194.085.838.029	-	3.871.192.759.238	3.601.492.719.465	463.785.877.802	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	522.674.992	-	27.104.503.203	27.425.365.906	201.812.289	-	-
- Phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư	135.757.654	-	1.295.193.664	1.305.177.803	125.773.515	-	-
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ tư vấn đầu tư và tài trợ giao dịch chứng khoán (*)	193.427.405.383	-	3.842.793.062.371	3.572.762.175.756	463.458.291.998	-	-
4. Phải thu khác	2.833.952.873	-	31.508.569.398	30.680.876.632	3.661.645.639	-	1.978.208.478
- Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	1.223.658.492	-	29.285.563.501	29.070.582.251	1.438.639.742	-	-
- Khoản phải thu từ nhân viên	-	-	1.978.208.478	-	1.978.208.478	-	1.978.208.478
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.610.294.381	-	244.797.419	1.610.294.381	244.797.419	-	-
TỔNG CỘNG	198.092.509.426	-	3.912.229.158.536	3.638.620.707.521	471.700.960.441	-	1.978.208.478

(*) Phải thu khách hàng về nghiệp vụ tư vấn đầu tư và tài trợ giao dịch chứng khoán là hình thức hợp tác đầu tư mà trong đó Công ty tư vấn cho nhà đầu tư và cùng nhà đầu tư góp vốn để đầu tư vào một hay nhiều loại chứng khoán. Nhà đầu tư sẽ đảm bảo bằng các chứng khoán có sẵn trong tài khoản. Hiện tại, Công ty sẽ nhận được khoản phí góp vốn là 0,06%/ngày trên tổng số dư vốn góp. Phí góp vốn sẽ thay đổi theo chính sách của Công ty.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

9.1 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

			VNĐ
	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	11.222.329.378	2.270.936.100	13.493.265.478
Tăng trong kỳ	6.906.367.236	1.558.747.000	8.465.114.236
Số dư cuối kỳ	18.128.696.614	3.829.683.100	21.958.379.714
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	6.485.377.544	925.874.806	7.411.252.350
Tăng trong kỳ	3.951.688.075	549.796.618	4.501.484.693
Số dư cuối kỳ	10.437.065.619	1.475.671.424	11.912.737.043
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	4.736.951.834	1.345.061.294	6.082.013.128
Số dư cuối kỳ	7.691.630.995	2.354.011.676	10.045.642.671

9.2 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

				VNĐ
	Phần mềm tin học	Nhãn hiệu hàng hóa	Chi phí phát triển trang web	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	1.167.781.591	-	123.690.678	1.291.472.269
Tăng trong kỳ	407.271.075	307.500.192	-	714.771,267
Số dư cuối kỳ	1.575.052.666	307.500.192	123.690.678	2.006.243.536
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu kỳ	462.885.936	-	26.522.310	489.408.246
Tăng trong kỳ	301.589.467	15.375.009	24.738.138	341.702.614
Số dư cuối kỳ	764.475.403	15.375.009	51.260.448	831.110.860
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	704.895.655	-	97.168.368	802.064.023
Số dư cuối kỳ	810.577.263	292.125.183	72.430.230	1.175.132.676

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**9.3 Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị**

Vốn điều lệ của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (VNĐ)	Tài sản cố định và trang thiết bị		Tỷ lệ so với vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị (VNĐ)	
349.799.870.000	Nguyên giá	23.964.623.250	6,85%
	Khấu hao lũy kế	(12.743.847.903)	-3,64%
	Giá trị còn lại	11.220.775.347	3,21%

9.4 Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang

Tài khoản này thể hiện các khoản chi phí mua phần mềm lõi chứng khoán và các chi phí trực tiếp khác liên quan đến việc triển khai xây dựng phần mềm lõi này để phục vụ cho quản lý hoạt động của Công ty trong lĩnh vực chứng khoán. Công ty dự kiến sẽ hoàn tất thử nghiệm và đưa vào sử dụng chính thức phần mềm này trong Quý I năm 2011.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Chi phí trả trước trang thiết bị nội thất	2.514.173.911	214.612.295
Chi phí trả trước thi công, lắp đặt bảng hiệu, hệ thống cáp mạng, hệ thống điện, phần mềm	1.156.155.282	-
Tổng cộng	3.670.329.193	214.612.295

Tình hình phân bổ chi phí trả trước trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	214.612.295	625.603.758
Tăng trong năm	4.399.377.558	-
	4.613.989.853	625.603.758
Phân bổ trong năm	(943.660.660)	(410.991.463)
Số dư cuối năm	3.670.329.193	214.612.295

11. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Sở giao dịch chứng khoán.

Theo Quyết định số 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004, Quyết định số 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính và Quyết định số 17/2005/QĐ-TTLK ngày 2 tháng 4 năm 2008 của Trung tâm Lưu ký thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại mỗi trung tâm giao dịch chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,01% (năm 2008: 0,008%) tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

11. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN (tiếp theo)

Biến động tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.574.690.920	506.741.573
Tiền nộp bổ sung	1.830.703.078	1.055.690.707
Tiền lãi nhận được	142.124.161	12.258.640
Số dư cuối năm	3.547.518.159	1.574.690.920

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài khoản này thể hiện các khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng trụ sở chính, chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh ở Hà Nội của Công ty.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	Số cuối kỳ VNĐ	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Sài Gòn	130.000.000.000	7-12	18.00	Bao gồm các cổ phiếu được trình bày tại Thuyết minh số 6.2 và 6.3
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở Giao Dịch I	123.501.278.947	3	18.00	Tín chấp
Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Nhà Rộng	78.000.000.000	6	15.00	Tín chấp
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam	75.000.000.000	12	6.00	Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn ("KKH")
Ngân hàng TMCP Kiên Long	50.000.000.000	12	7.20	Tiền gửi KKH tại Ngân hàng TMCP Kiên Long
Tổng công ty Thương mại Sài Gòn	40.000.000.000	2	15.00	Tín chấp
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Long	11.000.000.000	3	13.00	Tín chấp
Nguyễn Trần Quốc Đăng	9.500.000.000	12	16.00	Tín chấp
Quỹ đầu tư EMA Việt Nam	2.241.849.902	1	12.00	Tín chấp
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	2.000.000.000	6	15.00	Tín chấp
TỔNG CỘNG	521.243.128.849			

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân	1.567.000.265	169.328.367
Thuế giá trị gia tăng	216.404.432	25.138.007
Thuế khác	229.510	-
TỔNG CỘNG	1.783.634.207	194.466.374

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Lãi vay phải trả	2.580.333.889	622.791.665
Lương tháng 13	2.199.439.448	1.227.976.716
Chi phí môi giới, phí lưu ký chứng khoán	664.460.234	526.144.858
Hoa hồng đại lý	65.761.758	881.307.732
Các khoản khác	1.021.186.805	517.003.676
TỔNG CỘNG	6.531.182.134	3.775.224.647

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đây là khoản tiền giao dịch bù trừ của các giao dịch chứng khoán chờ đến ngày thanh toán cho Trung tâm lưu ký chứng khoán và các hoạt động giao dịch chứng khoán khác phải trả.

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 4)	57.628.691.000	166.606.176.500
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Công ty	6.627.613.000	6.615.600.000
Tiền mua cổ phiếu phát hành thêm	297.180.000	2.411.670.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán khác	1.069.584.557	1.177.374.498
TỔNG CỘNG	65.623.068.557	176.810.820.998

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	99.091.889	66.759.206
Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 4)	91.556.578.998	123.577.512.634
Phải trả khác	108.993.620	26.086.845
TỔNG CỘNG	91.764.664.507	123.670.358.685

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tăng giảm Vốn chủ sở hữu

Trong năm hiện hành:

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tổng cộng
Số dư đầu năm	330.000.000.000	53.276.000.000	2.157.158.275	2.157.158.275	(18.857.227.617)	-	368.733.088.933
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần	19.799.870.000	(19.799.870.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	20.938.620.170	-	20.938.620.170
Số dư cuối năm	349.799.870.000	33.476.130.000	2.157.158.275	2.157.158.275	2.081.392.553	-	389.671.709.103

Trong năm trước:

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Lỗ lũy kế	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tổng cộng
Số dư đầu năm	330.000.000.000	53.276.000.000	2.157.158.275	2.157.158.275	(85.479.302.053)	226.869.133	302.337.883.630
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	66.622.074.436	-	66.622.074.436
Đã sử dụng	-	-	-	-	-	(226.869.133)	(226.869.133)
Số dư cuối năm	330.000.000.000	53.276.000.000	2.157.158.275	2.157.158.275	(18.857.227.617)	-	368.733.088.933

Công ty chưa trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính cho năm tài chính 2010. Việc phân phối lợi nhuận trong năm để trích lập các quỹ dự trừ theo quy định sẽ được thông qua tại đại hội đồng cổ đông. Công ty sẽ thực hiện hạch toán việc trích lập các quỹ dự trừ cho năm 2010 trong năm 2011.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**18.2 Vốn cổ phần**

Theo Giấy phép điều chỉnh số 147/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 8 năm 2008, tổng vốn điều lệ của Công ty là 330.000.000.000 VNĐ.

Ngày 20 tháng 8 năm 2010, Công ty đã nhận được Giấy phép điều chỉnh số 347/UBCK-GP Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 349.799.870.000 VNĐ. Số vốn điều lệ này đã được góp đầy đủ tính tới thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010. Chi tiết các khoản vốn góp như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp VNĐ	Tỷ lệ sở hữu
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	6.185.900	61.859.000.000	17,68%
Công ty Cổ phần Cung ứng Tàu biển Sài Gòn	2.576.595	25.765.950.000	7,37%
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	2.575.800	25.758.000.000	7,36%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Sài Gòn Á Châu	1.250.800	12.508.000.000	3,58%
Ông Nguyễn Miên Tuấn	567.100	5.671.000.000	1,62%
Ông Nguyễn Vạn Lý	503.000	5.030.000.000	1,44%
	13.659.195	136.591.950.000	39,05%
Các cổ đông khác	21.320.792	213.207.920.000	60,95%
TỔNG CỘNG	34.979.987	349.799.870.000	100%

18.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm (cổ phiếu)	Số đầu năm (cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	34.979.987	33.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	34.979.987	33.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	34.979.987	33.000.000
Cổ phiếu phổ thông	34.979.987	33.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.979.987	33.000.000
Cổ phiếu phổ thông	34.979.987	33.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	46.233.438.478	69.680.134.077
Chi phí lãi vay	42.841.828.479	6.889.767.796
Chi phí nhân viên	18.252.922.712	10.854.787.453
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	6.515.907.033	6.723.264.963
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	1.319.709.682	335.275.635
Chi phí bảo lãnh phát hành chứng khoán	1.036.653.600	-
Chi phí vật liệu và công cụ lao động	780.049.109	449.107.508
Chi phí khấu hao tài sản cố định	259.444.172	471.612.933
Chi phí bằng tiền khác	239.410.954	543.484.819
Chi phí tư vấn tài chính	62.000.000	114.848.341
Chi phí khác	1.112.818.322	1.055.324.192
	118.654.182.541	97.117.607.717
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	72.188.608.575	69.145.122.439
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	(75.444.667.010)	(98.809.306.070)
TỔNG CỘNG	115.398.124.106	67.453.424.086

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.372.185.331	11.998.036.499
Chi phí nhân viên	18.340.485.219	8.132.478.266
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.583.743.135	3.211.176.298
Chi phí bằng tiền khác	3.447.980.790	823.657.039
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.978.208.478	-
Chi phí vật liệu và công cụ lao động	1.518.214.077	858.254.420
Chi phí khác	3.483.881.929	1.365.360.761
TỔNG CỘNG	57.724.698.959	26.388.963.283

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất là 25% lợi nhuận tính thuế trong năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN trong năm như sau:

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hiện hành	-	-
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	5.993.928.804	(12.349.747.886)
TỔNG CỘNG	5.993.928.804	(12.349.747.886)

21.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được ước tính dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	26.932.548.974	54.272.326.550
Trừ: Thu nhập cổ tức không chịu thuế	(8.520.195.070)	(9.476.135.224)
	18.412.353.904	44.796.191.326
Cộng:		
Các khoản chi phí khác không được khấu trừ	4.825.452.254	118.930.867
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	23.237.806.158	44.915.122.193
Lỗ năm trước chuyển sang	(23.237.806.158)	(44.915.122.193)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	-	-
Thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	-	-

21.2 Chuyển lỗ

Theo qui định thuế hiện hành, Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh khoản lỗ đó.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có khoản lỗ tính thuế mang sang là 25.539.730.173 VNĐ có thể bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng đến ngày 31/12/2010	Số không được chuyển lỗ	Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại ngày 31/12/2010
2008	2013	94.430.567.580	(68.152.928.351)	(737.909.056)	25.539.730.173



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.3 Thuế TNDN hoãn lại

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập một phần tài sản thuế TNDN hoãn lại do thực hiện bù trừ một phần số lỗ tính thuế của các năm trước với lợi nhuận phát sinh trong năm nay.

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VNĐ				
	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Trợ cấp thôi việc		-		29.113.461
Lỗ tính thuế có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	6.384.932.543	12.378.861.347	5.993.928.804	(12.378.861.347)
	<u>6.384.932.543</u>	<u>12.378.861.347</u>		
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			5.993.928.804	(12.349.747.886)

22. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

VNĐ		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.938.620.170	66.622.074.436
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	34.979.987	34.979.987
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	599	2.019
Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã điều chỉnh	599	1.905

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu của năm trước được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc chia cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 6% (tương ứng 50:3) trong tháng 8 năm 2010.

23. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA NHÂN VIÊN

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng quỹ lương	36.593.407.931	18.987.265.719
Tiền thưởng	1.939.327.000	321.800.000
Tổng thu nhập	38.532.734.931	19.309.065.719
Tiền lương bình quân (tháng/người)	11.211.216	9.199.257
Thu nhập bình quân (tháng/người)	11.805.372	9.355.119

24. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Cổ đông	Lãi tiền gửi	11.245.058.296
		Doanh thu từ nghiệp vụ quản lý sổ cổ đông	109.090.908
		Vay ngắn hạn	253.501.278.947
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Long	Đối tác đầu tư	Vay ngắn hạn	11.000.000.000
		Chi phí quản lý danh mục đầu tư	83.569.064
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn (Satra)	Cổ đông	Vay ngắn hạn	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rông	Đối tác đầu tư	Vay ngắn hạn	78.000.000.000

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả)
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Cổ đông	Vay ngắn hạn	(253.501.278.947)
		Tiền gửi	43.676.169.918
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Long	Đối tác đầu tư	Vay ngắn hạn	(11.000.000.000)
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn (Satra)	Cổ đông	Vay ngắn hạn	(40.000.000.000)
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rông	Đối tác đầu tư	Vay ngắn hạn	(78.000.000.000)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê văn phòng cho trụ sở chính và chi nhánh dưới hình thức thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, các khoản thanh toán tiền thuê đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.053.055.037	9.448.520.004
Từ 1 đến 5 năm	3.735.670.271	8.312.603.530
Trên 5 năm	74.510.326.067	-
TỔNG CỘNG	79.299.051.375	17.761.123.534

26. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản		
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/Tổng tài sản	11%	20%
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	89%	80%
2. Tỷ suất sinh lời		
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	14%	37%
Lợi nhuận trước thuế/Vốn cổ phần đã phát hành	8%	16%
3. Khả năng thanh toán		
Tổng nợ/Tổng tài sản	64%	60%
Tổng tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	139%	134%
(Tổng tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Tổng nợ ngắn hạn	139%	134%
Tiền/Tổng nợ ngắn hạn	33%	65%

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Ông Lê Minh Hiền

Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 2 năm 2011



Ông Nguyễn Miên Tuấn

Tổng Giám đốc

TẬN TÂM vì lợi ích khách hàng

Gặt hái thành công dựa trên nền tảng kinh nghiệm quản lý thực tiễn



RONG VIET
SECURITIES



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

T + 84 8 6299 2006

F + 84 8 6291 7986

E info@vdsc.com.vn

W www.vdsc.com.vn